

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG PHƯƠNG ĐÔNG

GIÁO TRÌNH
MÔ ĐUN: LUẬT HÀNH CHÍNH
NGÀNH/ NGHỀ: DỊCH VỤ PHÁP LÝ
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDPD ngàytháng.... năm
của Hiệu trưởng trường cao đẳng Phương Đông

Quảng Nam, năm 2022

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Việc cung cấp giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên học tập, nghiên cứu là nhiệm vụ cần thiết của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường biên soạn tài liệu này nằm trong kế hoạch xây dựng hệ thống giáo trình các mô đun. Mục tiêu của giáo trình nhằm cung cấp cho sinh viên một tài liệu tham khảo chính về mô đun này, đồng thời trang bị những kiến thức và một số kỹ năng chủ yếu trong hoạt động nghề nghiệp chuyên môn.

Nhà trường xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô là giảng viên, giáo viên, nhà nghiên cứu, Ban chỉ đạo biên soạn, Hội đồng thẩm định giáo trình nhà trường đã cố gắng hoàn thành nhiệm vụ quan trọng này để sinh viên có được tài liệu tham khảo, nghiên cứu và học tập.

Mặc dù các tác giả, Hội đồng biên soạn giáo trình, Hội đồng thẩm định giáo trình đã thực hiện đúng quy trình chuyên môn và hết sức cố gắng, song giáo trình này vẫn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Mong đọc giả tiếp tục góp ý để nhà trường tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện hơn nữa.

Xin trân trọng cảm ơn!

T.M TÁC GIẢ THAM GIA BIÊN SOẠN

Chủ biên

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	iii
CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LUẬT HÀNH CHÍNH.....	3
1. Luật hành chính - Một ngành luật về quản lý Nhà nước.....	3
2. Tương quan giữa Luật hành chính với một số ngành luật trong hệ thống pháp luật VN.....	4
CHƯƠNG 2: NGUỒN CỦA LUẬT HÀNH CHÍNH.....	7
1. Khái niệm và phân loại nguồn của Luật hành chính.....	7
2. Hệ thống hoá nguồn của Luật hành chính.....	10
CHƯƠNG 3 : QUY PHẠM PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH.....	14
1. Quy phạm pháp luật hành chính.....	14
2. Quan hệ pháp luật hành chính.....	17
CHƯƠNG 4 : CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.....	18
1. Khái niệm và đặc điểm của cơ quan hành chính Nhà nước.....	18
2. Phân loại cơ quan hành chính Nhà nước.....	19
3. Hệ thống các cơ quan hành chính Nhà nước.....	20
CHƯƠNG 5: CÁN BỘ , CÔNG CHỨC.....	21
1. Chế độ công vụ.....	21
2. Khái niệm và phân loại cán bộ, công chức.....	21
4. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức.....	26
5. Chế độ khen thưởng và trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức.....	28
CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ CÁ NHÂN.....	31
1. Tổ chức xã hội.....	31
2. Cá nhân.....	33
CHƯƠNG 7 : QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH.....	34
1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định hành chính.....	34
2. Phân loại quyết định hành chính.....	35
3. Các yêu cầu đối với quyết định hành chính.....	36
4. Khiếu nại, khiếu kiện đối với quyết định hành chính.....	39
CHƯƠNG 8: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.....	41
1. Khái niệm và đặc điểm của thủ tục hành chính.....	41
2. Các nguyên tắc của thủ tục hành chính.....	43
3. Các yêu cầu của việc cải cách thủ tục hành chính.....	44

CHƯƠNG 9: VI PHẠM PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH.....	48
1. Vi phạm pháp luật hành chính.....	48
2.Trách nhiệm hành chính.....	49

GIÁO TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: LUẬT HÀNH CHÍNH

Mã số mô đun: MĐ 11

VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Là môn khoa học cơ sở trong nội dung chương trình đào tạo của nghề pháp luật.

- Tính chất: Là môn khoa học xã hội, học sinh sẽ được tiếp cận với nội dung kiến thức cơ bản về luật hành chính.

MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản của luật hành chính như: đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hành chính;

+ Minh họa được các mối quan hệ thuộc đối tượng điều chỉnh của luật hành chính, phân biệt với các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của ngành luật khác.

+ Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản được đưa vào trong Chương trình và các vấn đề của luật hành chính.

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về lí luận và thực tiễn quản lý hành chính Nhà nước và pháp luật về quản lí hành chính Nhà nước như địa vị pháp lý của các chủ thể trong quan hệ phạm hành chính; các biện pháp đảm bảo thực hiện pháp luật trong quản lí hành chính Nhà nước

+ Hiểu được mối quan hệ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lí hành chính Nhà nước

+ Trình bày được những nội dung cơ bản trong các chương học, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống;

- Kỹ năng:

+ Có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về quản lí hành chính Nhà nước

+ Khả năng tranh luận có cơ sở khoa học để giải quyết những vấn đề có liên quan đến pháp luật hành chính.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật hành chính tại nơi làm việc và trong công đồng dân cư;

+ Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi hành chính biểu hiện trong đời sống hàng ngày;

+ Có khả năng đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động quản lí hành chính nhà nước đang diễn ra trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quyết định của chủ thể có thẩm quyền trong quản lí hành chính nhà nước;

+ Có quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay;

+ Tích cực đấu tranh bảo vệ công lý;

+ Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lí luận, thực tiễn quản lí hành chính Nhà nước;

+ Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học trong cuộc sống và công tác.

NỘI DUNG MÔN HỌC:

CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LUẬT HÀNH CHÍNH

Giới thiệu: Ngành Luật hành chính là ngành luật điều chỉnh các hoạt động hành chính nhà nước cụ thể là điều chỉnh những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong lĩnh vực tổ chức và hoạt động hành chính nhà nước

Mục tiêu:

- *Nắm bắt một số ngành luật về quản lý nhà nước*

Nội dung chính:

1. Luật hành chính - Một ngành luật về quản lý Nhà nước

Luật hành chính là ngành luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Cách định nghĩa này phù hợp với quan niệm cho rằng việc phân biệt các ngành luật trước hết cần căn cứ vào những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.

Hoạt động quản lý hành chính nhà nước không thể tách rời những quan hệ xã hội mà nó hướng tới nhằm ổn định hay thay đổi cho nên đối tượng điều chỉnh của luật hành chính không phải là bản thân quản lý hành chính nhà nước mà là những quan hệ xã hội hình thành trong quá trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Việc phân lớn các quy phạm pháp luật hành chính liên quan đến các hình thức tổ chức, đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước không thay đổi một thực tế là chúng bắt nguồn từ những quan hệ xã hội.

Luật hành chính giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hoạt động chấp hành - điều hành của Nhà nước. Các quy phạm luật hành chính quy định địa vị pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước, xác định những nguyên tắc cơ bản

Định nghĩa trên thích hợp với tất cả mọi trường hợp từ sự vận động của một cơ thể sống, một vật thể cơ giới, một thiết bị tự động hóa đến hoạt động của một tổ chức xã hội, một đơn vị kinh tế hay cơ quan nhà nước.

Trong chương trình luật hành chính, vấn đề cần nghiên cứu là quản lý xã hội, quản lý nhà nước.

Các Mác đã coi “*quản lý là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất xã hội của quá trình lao động*”. Nhân mạnh nội dung trên, ông viết: “*Tất cả mọi lao động xã hội trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên quy mô tương đối lớn, thì ít nhiều cũng đều cần đến một sự chỉ đạo để điều hoà những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung... Một người độc tấu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng*”.

Luận điểm trên của Mác có thể áp dụng với mọi hoạt động chung của con người trong xã hội.

Ở đâu có sự hợp tác của nhiều người, ở đó cần có quản lý, bởi vì hoạt động chung của nhiều người đòi hỏi phải được liên kết lại dưới nhiều hình thức. Một trong những hình thức liên kết quan trọng là tổ chức. Xét về nội dung, tổ chức tức là phối hợp, liên kết hoạt động của nhiều người để thực hiện mục tiêu đã đề ra, là yếu tố quyết định đem lại hiệu quả cho quản lý. Không có tổ chức thì không có quản lý.

Khẳng định vấn đề này, Lenin đã viết: “*Muốn quản lý tốt mà chỉ biết thuyết phục không thôi thì chưa đủ, mà cần phải biết tổ chức về mặt thực tiễn nữa*”.

Đề điều khiển, phối hợp hoạt động của tập thể những con người

Khách thể của quản lý là trật tự quản lý. Trật tự này được quy định bởi nhiều loại quy phạm khác nhau: Quy phạm đạo đức, quy phạm chính trị, quy phạm tôn giáo, quy phạm pháp luật V.V..

Tóm lại:

- Quản lý là sự tác động có mục đích của các chủ thể quản lý đối với các đối tượng quản lý.

- Quản lý xuất hiện ở bất kì nơi nào, lúc nào nếu ở nơi đó và lúc đó có hoạt động chung của con người.

- Mục đích và nhiệm vụ của quản lý là điều khiển, chỉ đạo hoạt động chung của con người, phối hợp các hoạt động riêng lẻ của từng cá nhân tạo thành một hoạt động chung thống nhất của cả tập thể và hướng hoạt động chung đó theo những phương hướng thống nhất nhằm đạt được mục tiêu đã định trước.

- Quản lý được thực hiện bằng tổ chức và quyền uy.

Có tổ chức thì mới phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của những người tham gia hoạt động chung. Có quyền uy thì mới bảo đảm sự phục tùng của cá nhân đối với tổ chức. Quyền uy là phương tiện quan trọng để chủ thể quản lý điều khiển, chỉ đạo cũng như bắt buộc các đối tượng quản lý thực hiện các yêu cầu, mệnh lệnh của mình.

2 Tương quan giữa Luật hành chính với một số ngành luật trong hệ thống pháp luật VN

– **Hành chính với Hiến pháp: đối tượng điều chỉnh của luật hiến pháp rộng hơn**

o Luật hành chính *cụ thể hóa, chi tiết hóa* và bổ xung các quy định của Hiến

pháp;

o Luật hành chính *đặt ra cơ chế đảm bảo Luật hiến pháp.*

– **Hành chính với dân sự:** Quan hệ *chặt chẽ* dù 2 ngành luật này điều chỉnh

quan hệ về tài sản bằng những phương pháp khác nhau trong nhiều trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cũng tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự: Pháp nhân...

– **Hành chính với đất đai:** Luật hành chính là *phương tiện thực hiện luật đất đai*. Trong quan hệ với luật đất đai, Nhà nước có tư cách là chủ sở hữu nhất đối với đất đai, quan hệ đất đai chỉ xuất hiện, thay đổi, chấm dứt khi có quyết định của cơ quan Hành chính Nhà nước. Người sử dụng trong quan hệ đất đai là người chấp hành quyền lực Nhà nước.

– **Hành chính với hình sự:** *Chặt chẽ có nhiều chỗ giao tiếp:*

• Trong một số trường hợp *vi phạm hành chính* có thể dẫn tới phải chịu *trách nhiệm hình sự*.

- Trình tự xử lý và chủ thể có thẩm quyền xử lý của vi phạm Hành chính và tội phạm khác nhau.

- Tội phạm và vi phạm Hành chính khác nhau ở mức độ nguy hiểm của hành vi.

- Luật hành chính quy định thẩm quyền, cơ cấu tổ chức của cơ quan điều tra hình sự và thi hành án hình sự,... các cơ quan quản lý trại giam.

– **Hành chính với lao động: quan hệ chặt chẽ**

- Luật hành chính quy định thẩm quyền các cơ quan quản lý lao động.

- Chính sách lao động tiền lương, an sinh xã hội được quy định trong Luật hành chính động.

- Quan hệ pháp luật hành chính là phương tiện thực hiện quan hệ pháp luật lao động Vd: 1 người lao động thi tuyển vào cơ quan Hành chính Nhà nước.

Trình tự ban hành, hình thức quyết định do Luật hành chính, Điều kiện kí kết

do luật LD quy định. Quyết định tuyển dụng do cơ quan Hành chính ban hành.

Cả 2 đều điều chỉnh chế độ công vụ, công chức, viên chức Nhà nước.

3. Khoa học Luật hành chính

Khoa học luật hành chính bao gồm:

- Những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước có liên quan chặt chẽ tới ngành Luật hành chính chẳng hạn như nội dung, vị trí quản lý nhà nước trong cơ chế quản lý xã hội; quan hệ của quyền hành pháp với quyền lập pháp và tư pháp,...

- Hệ thống quy phạm Luật hành chính: đặc trưng nội dung, phân loại; vấn đề hoàn thiện các chế định, hệ thống hóa và pháp điển hóa Luật hành chính; cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ hành chính, vấn đề hiệu quả của quy phạm Luật hành chính;

- Về quan hệ pháp luật hành chính: nội dung pháp lý, cơ cấu, tương quan giữa các yếu tố nội tại của các quan hệ đó, quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể và cơ chế bảo đảm thực hiện chúng,...

- Quy chế pháp lý của các chủ thể luật hành chính, cũng chính là các chủ thể và đối tượng quản lý nhà nước, những bảo đảm pháp lý hành chính của các quyền chủ thể;

- Các phương thức bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong hoạt động hành chính,...

Theo đó, trên cơ sở nghiên cứu và phát hiện những quy luật điều chỉnh của Luật hành chính đối với các quan hệ hành chính, khoa học luật hành chính đề xuất những kiến nghị khoa học đổi mới tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và phương thức hoạt động của nó, đáp ứng những nhiệm vụ ngày càng nặng nề và phức tạp của công tác cải cách hành chính.

Đồng thời, khoa học luật hành chính Việt Nam có nhiệm vụ làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận cơ bản của Luật hành chính với tư cách một môn học để làm cơ sở cho hoạt động giảng dạy trong các trường và khoa luật, đặc biệt là hệ thống các khái niệm và phạm trù khoa học được sử dụng trong môn học đó.

BÀI TẬP : Luật hành chính là gì ?

Luật hành chính là ngành luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Cách định nghĩa này phù hợp với quan niệm cho rằng việc phân biệt các ngành luật trước hết cần căn cứ vào những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.

Hoạt động quản lý hành chính nhà nước không thể tách rời những quan hệ xã hội mà nó hướng tới nhằm ổn định hay thay đổi cho nên đối tượng điều chỉnh của luật hành chính không phải là bản thân quản lý hành chính nhà nước mà là những quan hệ xã hội hình thành trong quá trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Việc phân lớn các quy phạm pháp luật hành chính liên quan đến các hình thức tổ chức, đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước không thay đổi một thực tế là chúng bắt nguồn từ những quan hệ xã hội.

Luật hành chính giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hoạt động chấp hành điều hành của Nhà nước. Các quy phạm luật hành chính quy định địa vị pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước, xác định những nguyên tắc cơ bản của

Định nghĩa trên thích hợp với tất cả mọi trường hợp từ sự vận động của một cơ thể sống, một vật thể cơ giới, một thiết bị tự động hóa đến hoạt động của một tổ chức xã hội, một đơn vị kinh tế hay cơ quan nhà nước

Tóm lại:

- Quản lý là sự tác động có mục đích của các chủ thể quản lý đối với các đối tượng quản lý.

- Quản lý xuất hiện ở bất kỳ nơi nào, lúc nào nếu ở nơi đó và lúc đó có hoạt động chung của con người.

- Mục đích và nhiệm vụ của quản lý là điều khiển, chỉ đạo hoạt động chung của con người, phối hợp các hoạt động riêng lẻ của từng cá nhân tạo thành một hoạt động chung thống nhất của cả tập thể và hướng hoạt động chung đó theo những phương hướng thống nhất nhằm đạt được mục tiêu đã định trước.

- Quản lý được thực hiện bằng tổ chức và quyền uy

Có tổ chức thì mới phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của những người tham gia hoạt động chung. Có quyền uy thì mới bảo đảm sự phục tùng của cá nhân đối với tổ chức. Quyền uy là phương tiện quan trọng để chủ thể quản lý điều khiển, chỉ đạo cũng như bắt buộc các đối tượng quản lý thực hiện các yêu cầu, mệnh lệnh của mình.

CHƯƠNG 2: NGUỒN CỦA LUẬT HÀNH CHÍNH

Giới thiệu: Nguồn của luật hành chính là những văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục và dưới những hình thức nhất định, có nội dung là các quy phạm pháp luật hành chính, có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các đối tượng có liên quan và được bảo đảm thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước

Mục tiêu:

- *Hiểu khái niệm, phân loại và hệ thống hóa nguồn*

Nội dung chính:

1. Khái niệm và phân loại nguồn của Luật hành chính

a. Khái niệm của luật hành chính:

Nguồn của Luật Hành chính Việt Nam chỉ có 1 hình thức duy nhất đó là các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL). Đó chính là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự luật định, trong đó có các quy tắc xử sự chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng Xã hội chủ nghĩa.

Chỉ có những văn bản quy phạm pháp luật mới tạo ra tiền đề cần thiết cho việc thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa – một trong những nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước. Tính chặt chẽ và ổn định tương đối của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có những văn bản quy phạm pháp luật để xác định rõ cơ cấu, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước các cấp, những mối liên hệ công tác chủ yếu giữa chúng nhằm bảo đảm cho hoạt động của cả bộ máy nhà nước được tiến hành đồng bộ, cùng hướng tới việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trước bộ máy nhà nước nói chung và trước từng cơ quan nhà nước nói riêng.

Tuy nhiên không phải bất cứ văn bản QPPL nào có chứa đựng các quy phạm pháp luật hành chính – những quy phạm được ban hành ra để điều chỉnh quan hệ quản lý hành chính nhà nước mới được coi là nguồn của Luật hành chính. Nguồn của luật hành chính là các văn bản quy phạm pháp luật trong đó có chứa các quy phạm pháp luật hành chính. Một văn bản được coi là nguồn của luật hành chính nếu văn bản đó thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu sau:

– Do chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật theo Luật định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành.

– Văn bản được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục, dưới hình thức theo luật định. Nội dung văn bản đó có chứa đựng quy phạm pháp luật hành chính

b. Phân loại nguồn của luật hành chính:

Căn cứ vào chủ thể ban hành, nguồn của luật hành chính bao gồm:

* *Hiến pháp:* là đạo luật cơ bản quy định những vấn đề cơ bản, quan trọng liên quan đến đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội của quốc gia. Hiến pháp là nguồn của mọi ngành luật trong đó có Luật Hành chính. Những quy phạm pháp luật hành chính trong Hiến pháp là những quy định mang tính chung, nguyên tắc làm cơ sở ban hành ra các quy phạm pháp luật hành chính khác.

Có những văn bản luật chứa đựng các quy phạm pháp luật hành chính như Luật tổ chức Chính phủ; Luật Hội đồng nhân dân và UBND; Luật khiếu nại, tố cáo; Luật đất đai ... Đây là bộ phận quan trọng của nguồn Luật Hành chính. Ngược lại, cũng có những luật trong đó không chứa đựng các quy phạm pháp luật hành chính nên nó không phải là nguồn của Luật Hành chính Việt Nam. Ví dụ: Bộ Luật hình sự, Bộ Luật tố tụng hình sự, ...

** Luật:*

Luật là hình thức cao nhất của việc thực hiện quyền lực nhà nước không chỉ vì hiệu lực pháp lí của nó mà còn vì sự ủy quyền pháp lí – luật do chính những đại biểu dân cử làm ra.

Loại văn bản pháp luật này có hai đặc điểm là do cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành và có hiệu lực pháp lí cao hơn tất cả các văn bản quy phạm pháp luật khác. Vị trí cao nhất của luật thể hiện ở chỗ Quốc hội mới có quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế hay bãi bỏ luật. Mặt khác, mọi văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước ban hành đều bắt buộc phải có nội dung phù hợp với luật và nhằm thi hành luật.

**Nghị quyết của Quốc hội:*

Là văn bản được ban hành để “quyết định kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, chính sách dân tộc, tôn giáo, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách nhà nước, điều chỉnh ngân sách nhà nước, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, phê chuẩn điều ước quốc tế, quyết định chế độ làm việc của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội” (Điều 20 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

**Pháp lệnh:*

Là văn bản quy phạm pháp luật do ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành “Quy định về những vấn đề được Quốc hội giao, sau một thời gian thực hiện trình Quốc hội xem xét, quyết định ban hành thành Luật” (Điều 21 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật). như vậy pháp lệnh điều chỉnh những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của luật. Nhưng do chưa có điều kiện ban hành luật, Quốc hội giao cho Ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh để đáp ứng kịp thời các yêu cầu của đời sống xã hội. Pháp lệnh có hiệu lực pháp lý thấp hơn so với luật, nó cũng là văn bản dưới luật. Những pháp lệnh có chứa đựng quy phạm pháp luật hành chính là nguồn của luật hành chính

**Nghị định của Chính phủ:*

Nghị định Chính phủ được sử dụng với tư cách là văn bản quy phạm pháp luật hành chính và văn bản áp dụng quy phạm pháp luật. Với tư cách là văn bản quy phạm pháp luật Nghị định của Chính phủ quy định dùng để quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ thành lập; quy định những vấn đề hết sức cần thiết nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà

nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội (việc ban hành nghị định trong trường hợp này phải được sự đồng ý của ủy ban Thường vụ Quốc hội). Tất cả các nghị định của Chính phủ ban hành với tư cách là văn bản quy phạm pháp luật hành chính nêu trên đều là nguồn của luật hành chính vì nó chứa đựng trong nội dung các quy phạm pháp luật hành chính.

Nghị định của Chính phủ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:

– Quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

– Quy định các biện pháp cụ thể để thực hiện chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ;

– Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

– Quy định những vấn đề cần thiết nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Việc ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Như vậy, nghị định của Chính phủ có thể chia thành hai loại. Loại thứ nhất là nghị định quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ; các biện pháp cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Loại thứ hai là nghị định quy định những vấn đề hết sức cần thiết nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đối với loại thứ hai thì việc ban hành những nghị định này phải được sự đồng ý của ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Nghị định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:*

Là văn bản được ban hành để giải thích Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, giám sát việc thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân, quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc từng địa phương hoặc quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Những nghị quyết nào của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chứa đựng quy phạm pháp luật hành chính là nguồn của Luật hành chính.

**Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp:*

Là văn bản quy phạm pháp luật duy nhất mà cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương có quyền ban hành. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp đề cập đến các chính sách về kinh tế, văn hóa- xã hội, an ninh quốc phòng cũng như giải quyết những vấn đề cụ thể khác của địa phương thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp

theo quy định của pháp luật. Những văn bản này nếu chứa quy phạm pháp luật hành chính thì là nguồn của luật hành chính.

Nghị quyết là hình thức văn bản quy phạm pháp luật duy nhất mà hội đồng nhân dân các cấp ban hành và được ban hành trong các trường hợp sau đây:

- Quyết định những chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên;
- Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; Quyết định biện pháp ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân, hoàn thành mọi nhiệm vụ cấp trên giao cho;
- Quyết định trong phạm vi thẩm quyền được giao những chủ trương, biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của địa phương nhằm phát huy tiềm năng của địa phương nhưng không được trái với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; Văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên giao cho hội đồng nhân dân quy định một vấn đề cụ thể.
- Khi trong nghị quyết có các quy phạm pháp luật hành chính thì nghị quyết (hoặc một phần của nghị quyết) được coi là nguồn của luật hành chính

Cơ quan hành chính nhà nước là cơ quan có chức năng quản lý hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy, các văn bản là nguồn của Luật hành chính do cơ quan này chiếm một số lượng rất lớn:

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Được ban hành để quyết định các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở, quy định chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ.
- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ có chứa đựng quy phạm pháp luật hành chính là nguồn của Luật hành chính.
- Quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngành Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.
- Văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ có liên đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đó.

2. Hệ thống hoá nguồn của Luật hành chính

Hệ thống hóa nguồn của luật hành chính là biện pháp cơ bản để khắc phục những khó khăn kể trên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nắm vững và không ngừng hoàn thiện những quy phạm pháp luật hành chính hiện hành. Có thể tiến hành hệ thống hóa nguồn của luật hành chính dưới hai hình thức là tập hợp hóa và pháp điển hóa.

a. Tập hợp hoá pháp luật là hình thức thu thập và sắp xếp các quy định pháp luật hoặc các nguồn pháp luật theo những trật tự nhất định như theo chuyên đề, theo ngành quản lý, theo cơ quan ban hành, tên gọi, thời gian ban hành văn bản... thành các tập luật lệ đáp ứng yêu cầu của các chủ thể tập hợp và chủ thể sử dụng

Việc tập hợp hoá pháp luật có thể được tiến hành bởi bất kì một cá nhân hay một tổ chức nào. Quá trình tập hợp hoá pháp luật không được làm thay đổi nội dung, hiệu lực của các quy định pháp luật, các nguồn pháp luật được tập hợp. Các quy định pháp luật, các chương, các mục hoặc toàn bộ nguồn pháp luật được giữ nguyên như bản gốc kể cả tên chương, số thứ tự cũng như cách trình bày..., không được sửa đổi, không được bổ sung các quy định pháp luật mới (không thay đổi nội dung và cả cấu trúc hình thức... của nguồn pháp luật gốc). Tự bản thân tập luật lệ được hệ thống hoá không có hiệu lực pháp luật, do vậy, tập luật lệ không được coi là căn cứ pháp lí để viện dẫn khi áp dụng pháp luật.

b. Pháp điển hoá là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm tập hợp các quy định, các nguồn pháp luật hiện hành, có thể chỉnh sửa, loại bỏ hoặc bổ sung thêm các quy định cần thiết và sắp xếp chúng lại trong một chỉnh thể thống nhất, khoa học theo lĩnh vực hoặc theo chủ đề để tạo thành một văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc bộ pháp điển.

Pháp điển hoá được tiến hành theo hai cách cơ bản là pháp điển hoá về nội dung và pháp điển hoá về hình thức.

Pháp điển hoá về nội dung (substantive codification) là việc tập hợp các quy định pháp luật hiện hành, có thể sửa đổi hoặc loại bỏ các quy định không phù hợp, bổ sung thêm những quy định mới nhằm tạo ra một văn bản quy phạm pháp luật mới (bộ luật) để đáp ứng sự điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội.

- *Pháp điển hoá về hình thức* (formal codification) là tập hợp, sắp xếp các quy định pháp luật, các nguồn pháp luật đang có hiệu lực pháp luật thành các bộ pháp điển theo từng chủ đề, có thể có những sửa đổi, điều chỉnh cần thiết (chủ yếu về mặt kĩ thuật) nhằm làm cho các quy định này hoàn chỉnh, phù hợp với nhau hơn, nhưng vẫn bảo đảm nội dung, trật tự pháp lí của các quy định đó. Hay nói cách khác, pháp điển hoá về hình thức không nhằm tạo ra các bộ luật đồ sộ mà là việc sắp xếp các quy định pháp luật, các nguồn pháp luật theo các chủ đề phục vụ công tác tra cứu, tiện lợi cho việc nhận thức và thực hiện chúng. Bộ pháp điển chỉ chứa những quy định pháp luật còn hiệu lực pháp luật tại thời điểm đó.

Quá trình pháp điển hoá, đặc biệt là việc pháp điển hoá pháp luật về nội dung đòi hỏi phải tuân theo những nguyên tắc nhất định, phải tiến hành phù hợp với các yêu cầu của kĩ thuật lập pháp, bảo đảm tính khoa học và tính khách quan cũng như các nguyên tắc của hoạt động xây dựng pháp luật. Hoạt động pháp điển hoá phải được tiến hành thường Xuyên để cập nhật, bổ sung những quy định pháp luật mới, những quy định pháp luật đã bị sửa đổi, đồng thời loại bỏ kịp thời những quy định pháp luật không còn hiệu lực pháp luật.

BÀI TẬP :

1. Khái niệm luật hành chính Việt

Nam? Trả lời:

Luật hành chính Việt Nam là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ chấp hành và điều hành phát sinh trong quá trình tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; trong hoạt động hành chính nội bộ mang tính chất phục vụ cho các cơ quan nhà

nước khác; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước khác hoặc các tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền thực hiện hoạt động đó.

(Kiến thức bổ sung)

1. Đối tượng điều chỉnh: gồm 3 nhóm lớn

– Những quan hệ chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước- đây là nhóm lớn nhất, cơ bản nhất và do đó quan trọng nhất

– Những quan hệ chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động hành chính nội bộ phục vụ cho hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, HĐ ND, Tòa án nhân dân,

Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Kiểm toán nhà nước

– Những quan hệ hành chính phát sinh trong hoạt động của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, Hội đồng nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân các cấp và Viện kiểm sát nhân dân các cấp hoặc tổ chức xã hội khi được Nhà nước trao quyền thực hiện nhiệm vụ, chức năng hành chính nhà nước

2. Phương pháp điều chỉnh:

– Phương pháp quyền uy- phục tùng: đặc trưng của luật hành chính xuất phát từ bản chất của quản lý, thể hiện sự không bình đẳng về ý chí của các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính.

– Phương pháp thỏa thuận: là quan hệ ngang, nhưng cũng chỉ là tiền đề của quan hệ dọc.

*Chú ý mối quan hệ giữa luật hành chính và các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam: luật hiến pháp, luật dân sự, luật lao động, luật tài chính, luật đất đai, luật hình sự...

3. Nguồn luật hành chính: là những hình thức chứa các quy phạm pháp luật hành chính.

– Có thể chia loại nguồn của luật HC theo căn cứ:

+ *Theo phạm vi hiệu lực*: Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước ở TW và của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

+ *Theo cấp độ hiệu lực pháp lý*: Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật dưới luật

– Theo pháp luật hiện hành, nguồn luật HCVN bao gồm:

+ Hiến pháp năm 2013.

+ Luật tổ chức CP năm 2001.

+ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND năm 2003.

+ Cán bộ luật, đạo luật về quản lý các ngành và lĩnh vực về các tổ chức xã hội và các tổ chức nhà nước khác.

+ Nghị quyết của Quốc hội.

+ Pháp lệnh và nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

- + Nghị định của CP, quyết định của thủ tướng CP.
- + VB QPPL của Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- + Thông tư của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
- + Quyết định của Tổng kiểm toán nhà nước.
- + VB quy định PL liên tịch.
- + Nghị quyết của HDND các cấp, quyết định của UBND các cấp.

2 - Hãy chứng minh: Luật Hành chính là một ngành luật về hành chính nhà nước (quản lý hành chính nhà nước) .

Trả lời:

– Quản lý hành chính nhà nước là tổ chức thực hiện quyền hành pháp bằng hoạt động chấp hành pháp luật, văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và điều hành hoạt động trong các lĩnh vực tổ chức đời sống xã hội của các cơ quan Nhà nước mà chủ yếu là các cơ quan HCNN và những người được ủy quyền, được tiến hành trên cơ sở thi hành pháp luật nhằm thực hiện trong đời sống hằng ngày các chức năng của Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội. Như vậy, bản chất của QLHCNN thể hiện ở các mặt chấp hành và điều hành.

– Trong khi đó, Luật Hành chính là tổng thể các QPPL điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành nhà nước. Luật Hành chính hướng sự quy định và các vấn đề chủ yếu: tổ chức QLHCNN và kiểm soát đối với QLHCNN.

– Đối tượng điều chỉnh của Luật Hành chính là những quan hệ xã hội phát sinh trong tổ chức và hoạt động QLHCNN. Do đó, chúng ta có thể khẳng định Luật Hành chính là một ngành luật về tổ chức và quản lý nhà nước.

CHƯƠNG 3 : QUY PHẠM PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Giới thiệu: Quan hệ pháp luật hành chính là quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý hành chính Nhà nước, được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật hành chính giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật hành chính.

Mục tiêu:

- *Hiểu biết về quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật hành chính.*

Nội dung chính:

1. Quy phạm pháp luật hành chính

Những quy phạm pháp luật được dùng để điều chỉnh các quan hệ quản lý hành chính nhà nước là các quy phạm pháp luật hành chính. Do đó, có thể hiểu: Quy phạm pháp luật hành chính là một dạng cụ thể của quy phạm pháp luật, được ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý hành chính nhà nước theo phương pháp mệnh lệnh - đơn phương.

Là một dạng cụ thể của quy phạm pháp luật nên các quy phạm pháp luật hành chính có đầy đủ các đặc điểm chung của quy phạm pháp luật như: Là quy tắc xử sự chung thể hiện ý chí của nhà nước; được nhà nước bảo đảm thực hiện; là tiêu chuẩn để xác định giới hạn và đánh giá hành vi của con người về tính hợp pháp. Bên cạnh đó, quy phạm pháp luật hành chính có những đặc điểm sau đây

- Các quy phạm pháp luật hành chính chủ yếu do các cơ quan hành chính nhà nước ban hành

Ở nước ta, theo quy định của pháp luật hiện hành thì các cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành quy phạm pháp luật hành chính có thể là chủ thể lập pháp hoặc chủ thể quản lý hành chính nhà nước.

Việc ban hành pháp luật (hoạt động lập pháp) của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội theo cơ chế thảo luận tập thể, quyết định theo đa số tại các kì họp, phiên họp không đủ đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các quan hệ quản lý hành chính nhà nước một cách năng động và kịp thời. Mặt khác, do không có chức năng quản lý hành chính nhà nước nên Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội khó có thể ban hành các quy phạm pháp luật hành chính một cách cụ thể và phù hợp với thực tiễn quản lý của từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Vì vậy, các quy phạm pháp luật hành chính chủ yếu do các cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành trên cơ sở cụ thể hóa, chi tiết hóa các quy định của hiến pháp, luật và pháp lệnh trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước.

Việc quy định thẩm quyền ban hành quy phạm pháp luật hành chính cho một số chủ thể quản lý hành chính nhà nước mà trước hết và chủ yếu là cơ quan hành chính nhà nước và người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước còn phù hợp với yêu cầu về tính chủ động, sáng tạo trong quản lý hành chính nhà nước

Các quy phạm pháp luật hành chính có số lượng lớn và có hiệu lực pháp lý khác nhau.

Do phạm vi điều chỉnh của các quy phạm pháp luật hành chính rất rộng và tính chất đa dạng về chủ thể ban hành, nên các quy phạm pháp luật hành chính có số lượng lớn. Trong đó có những quy phạm có hiệu lực pháp lý trên phạm vi cả nước và chung cho các ngành, lĩnh vực quản lý nhưng cũng có những quy phạm chỉ có hiệu lực trong phạm vi một ngành, một lĩnh vực quản lý hay trong một địa phương nhất định. Mặt khác, cũng có những quy phạm được áp dụng chung đối với các cá nhân và tổ chức, có những quy phạm chỉ được áp dụng đối với cá nhân hoặc chỉ được áp dụng đối với tổ chức.

- Các quy phạm pháp luật hành chính hợp thành một hệ thống trên cơ sở các nguyên tắc pháp lý nhất định.

Mặc dù các quy phạm pháp luật hành chính có số lượng lớn và có hiệu lực pháp lý khác nhau nhưng do yêu cầu điều chỉnh thống nhất pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước mà các quy phạm này cần phải hợp thành một hệ thống

Để bảo đảm yêu cầu nêu trên, các chủ thể có thẩm quyền ban hành quy phạm pháp luật hành chính có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc pháp lý thống nhất sau đây:

+ Các quy phạm pháp luật hành chính do cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành phải phù hợp với nội dung và mục đích của quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành

+ Bộ máy nhà nước là một chính thể thống nhất. Do đó, đòi hỏi các cơ quan nhà nước cấp dưới phải phục tùng ý chí hay sự chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước cấp trên. Sự phục tùng đó trước hết là đối với các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành.

+ Các quy phạm pháp luật hành chính do cơ quan hành chính nhà nước, Chủ tịch nước, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân ban hành phải phù hợp với nội dung và mục đích của quy phạm pháp luật do cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp ban hành.

Các cơ quan hành chính nhà nước với tư cách là các cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước, khi ban hành các quy phạm pháp luật hành chính cần phải căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp. Mặt khác, các cơ quan quyền lực nhà nước có trách nhiệm và thẩm quyền trong việc giám sát, phát hiện, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước hay những cơ quan khác do mình quyết định thành lập và những người giữ chức vụ do mình bầu.

+ Các quy phạm pháp luật hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chuyên môn ban hành phải phù hợp với nội dung và mục đích của quy phạm pháp luật do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chung cùng cấp ban hành

Trong số các cơ quan có thẩm quyền chuyên môn, cơ quan ngang bộ là cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới dạng thông tư của bộ trưởng hoặc thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Bộ, cơ quan ngang bộ khi ban hành các quy phạm pháp luật hành chính để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong ngành hay lĩnh vực mình phụ trách, phải căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Mặt khác, Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm và thẩm quyền kiểm tra, phát hiện, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ.

+ Các quy phạm pháp luật hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước ban hành phải phù hợp với nội dung và mục đích của quy phạm pháp luật do tập thể cơ quan đó ban hành

Trong số các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Chính phủ và Tòa án nhân dân tối cao là các cơ quan vừa có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo phương thức thảo luận tập thể và quyết định theo đa số (nghị định của Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) và theo phương thức người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền độc lập ban hành (quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao). Tuy các văn bản trên có phạm vi điều chỉnh khác nhau song để bảo đảm tính thống nhất của các quy phạm pháp luật do một cơ quan ban hành và đáp ứng các yêu cầu của nguyên tắc tập trung dân chủ, người đứng đầu các cơ quan nêu trên phải bảo đảm sự phù hợp về nội dung và mục đích của các quy phạm pháp luật hành chính do mình ban hành với các quy phạm pháp luật do tập thể cơ quan đó ban hành.

+ Bảo đảm tính thống nhất, phù hợp giữa các quy phạm pháp luật hành chính do các chủ thể có thẩm quyền ngang cấp, cùng địa vị pháp lý ban hành.

Thực tiễn quản lý hành chính nhà nước đòi hỏi Nhà nước phải bảo đảm tính thống nhất, phù hợp giữa các quy phạm pháp luật hành chính do các chủ thể có thẩm quyền ngang cấp, cùng địa vị pháp lý ban hành. Cụ thể là:

Thứ nhất, các chủ thể có thẩm quyền ban hành quy phạm pháp luật hành chính có trách nhiệm kiểm tra và bảo đảm tính thống nhất, phù hợp giữa các quy phạm pháp luật hành chính hiện hành do mình ban hành. Để bảo đảm trách nhiệm này, khoản 4 Điều 163 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định một trong những nội dung giám sát văn bản quy phạm pháp luật là "Sự thống nhất giữa văn bản quy phạm pháp luật hiện hành với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành của cùng một cơ quan"

Thứ hai, các chủ thể có thẩm quyền ban hành quy phạm pháp luật hành chính có trách nhiệm tôn trọng thẩm quyền ban hành pháp luật của các chủ thể khác ngang cấp, cùng địa vị pháp lý với mình.

Thứ ba, Các chủ thể có thẩm quyền ban hành quy phạm pháp luật hành chính ngang cấp, cùng địa vị pháp lý có trách nhiệm chủ động bàn bạc, phối hợp trong công tác ban hành pháp luật, phát hiện và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sai trái.

+ Các quy phạm pháp luật hành chính phải được ban hành theo đúng thủ tục và dưới hình thức nhất định do pháp luật quy định.

Việc tuân thủ nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm sự thể hiện ý chí nhà nước một cách nhất quán, đầy đủ và chặt chẽ trong công tác ban hành quy phạm pháp luật hành chính.

Ngoài những đặc điểm nêu trên, việc tìm hiểu về nội dung của quy phạm pháp luật hành chính là cần thiết để xây dựng, nhận biết và thực hiện quy phạm pháp luật hành chính

2. Quan hệ pháp luật hành chính

a. **Khái niệm:** Quan hệ pháp luật hành chính là quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý hành chính Nhà nước, được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật hành chính giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật hành chính.

b. Đặc điểm:

+ Quan hệ pháp luật hành chính có thể phát sinh theo yêu cầu hợp pháp của chủ thể quản lý hay đối tượng quản lý hành chính Nhà nước. Việc điều chỉnh quản lý đối với các quan hệ hành chính Nhà nước hướng tới mục đích bảo đảm lợi ích của Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội.

+ Thẩm quyền quản lý hành chính của Nhà nước chỉ có thể được thực hiện nếu có sự tham gia tích cực từ phía các đối tượng quản lý. Mặt khác, nhiều quyền lợi của đối tượng quản lý chỉ có thể được đảm bảo nếu có sự hỗ trợ tích cực của các chủ thể quản lý bằng những hành vi pháp lý cụ thể

+ Quan hệ pháp luật hành chính phát sinh trong hoạt động chấp hành- điều hành quản lý hành chính Nhà nước, Nội dung của quan hệ pháp luật hành chính là các quyền và nghĩa vụ hành chính của các bên tham gia quan hệ đó. Chủ thể tham gia quan hệ hành chính rất đa dạng, phong phú nhưng ít nhất một bên chủ tham gia phải được sử dụng quyền lực Nhà nước. Có ba cách phân loại quan hệ pháp luật hành chính

Thứ nhất: Căn cứ vào tính chất mối quan hệ giữa các chủ thể thì quan hệ pháp luật hành chính được chia thành hai nhóm: Quan hệ pháp luật hành chính nội bộ: là loại quan hệ pháp luật hành chính phát sinh giữa các chủ thể có quan hệ lệ thuộc về mặt tổ chức. Quan hệ pháp luật hành chính nội bộ: là loại quan hệ pháp luật hành chính phát sinh giữa các chủ thể không có quan hệ lệ thuộc về mặt tổ chức,

Thứ hai: Căn cứ vào tính chất quyền và nghĩa vụ của các chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính thì phân thành hai nhóm: Quan hệ nội dung, Quan hệ thủ tục

Thứ ba: Căn cứ vào lĩnh vực phát sinh quan hệ các quan hệ pháp luật hành chính phân thành các nhóm quan hệ pháp luật hành chính về quản lý kinh tế, văn hóa, an ninh - chính trị...

BÀI TẬP :

1. Tranh chấp giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính luôn được giải quyết theo thủ tục hành chính.

2. Pháp luật hành chính không phải là điều kiện duy nhất để công dân tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính.

3. Khi tham gia quan hệ pháp luật hành chính, chủ thể quan hệ pháp luật hành chính đều đạt được lợi ích của mình.

CHƯƠNG 4 : CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Giới thiệu: Cơ quan hành chính nhà nước là Cơ quan quản lý chung hay từng lĩnh vực công tác, có nhiệm vụ thực thi pháp luật và chỉ đạo việc thực hiện các chính sách, kế hoạch của nhà nước.

Mục tiêu:

- *Nắm bắt khái niệm, đặc điểm, phân loại, hệ thống các cơ quan hành chính*

Nội dung chính:

1. Khái niệm và đặc điểm của cơ quan hành chính Nhà nước

a. Khái niệm:

Cơ quan nhà nước là một tổ chức được thành lập và hoạt động theo những nguyên tắc và trình tự nhất định, có cơ cấu tổ chức nhất định và được giao những quyền lực nhà nước nhất định, được quy định trong các văn bản pháp luật để thực hiện một phần những nhiệm vụ, quyền hạn của nhà nước. Cơ quan hành chính nhà nước là bộ phận hợp thành của bộ máy nhà nước, được thành lập để thực hiện chức năng hành pháp (quản lý hành chính nhà nước). Nghiên cứu địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước nhằm xác định vai trò của cơ quan hành chính nhà nước với tư cách là chủ thể của pháp luật hành chính và chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính trong quản lý hành chính nhà nước.

Khi tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính, tùy từng trường hợp cụ thể mà cơ quan hành chính nhà nước sẽ là chủ thể quản lý hành chính nhà nước tức là chủ thể mang quyền lực nhà nước hay là đối tượng quản lý hành chính nhà nước tức chủ thể không mang quyền lực hành chính. Tuy nhiên, dù ở tư cách nào thì cơ quan hành chính nhà nước cũng là chủ thể chủ yếu, quan trọng nhất trong quan hệ pháp luật hành chính.

b. Đặc điểm của cơ quan hành chính Nhà nước

– Cơ quan hành chính nhà nước là cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoạt động chấp hành – điều hành (đó là những hoạt động được tiến hành trên cơ sở Luật và để thi hành Luật) nhằm thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước. Như vậy, hoạt động chấp hành – điều hành hay còn gọi là hoạt động quản lý hành chính nhà nước là phương diện hoạt động chủ yếu của cơ quan hành chính nhà nước.

Các cơ quan nhà nước khác cũng thực hiện những hoạt động quản lý hành chính nhà nước nhưng đó không phải là phương diện hoạt động chủ yếu mà chỉ là hoạt động được thực hiện nhằm hướng tới hoàn thành chức năng cơ bản của cơ quan nhà nước đó như: Chức năng lập pháp của Quốc hội, chức năng xét xử của tòa án nhân dân, chức năng kiểm sát của viện kiểm sát nhân dân. Chỉ có cơ quan hành chính nhà nước mới thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục... Việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước là nhằm hoàn thành chức năng quản lý hành chính nhà nước.

– Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước được thành lập từ Trung ương đến cơ sở, đứng đầu là Chính phủ, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, được tổ chức theo hệ thống thứ bậc, có mối quan hệ mật thiết phụ thuộc nhau về tổ chức và hoạt động nhằm thực thi quyền quản lý hành chính nhà nước.

– Thẩm quyền của các cơ quan hành chính nhà nước được pháp luật quy định trên cơ sở lãnh thổ, ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn mang tính tổng hợp. Đó là những quyền và nghĩa vụ pháp lý hành chính chỉ giới hạn trong phạm vi hoạt động chấp hành
– điều hành.

– Các cơ quan hành chính nhà nước đều trực tiếp hay gián tiếp trực thuộc cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp, chịu sự giám sát và báo cáo công tác trước cơ quan quyền lực nhà nước.

– Các cơ quan hành chính nhà nước có hệ thống đơn vị cơ sở trực thuộc. Các đơn vị cơ sở của bộ máy hành chính nhà nước là nơi trực tiếp tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Hầu hết các cơ quan có chức năng quản lý hành chính đều có các đơn vị cơ sở trực thuộc từ Trung ương đến địa phương. Ví dụ: Các trường đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổng công ty, công ty, nhà máy trực thuộc các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng...; các đơn vị quân đội, công an trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an...

2. Phân loại cơ quan hành chính Nhà nước

– Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ, cơ quan hành chính nhà nước được chia thành hai loại là cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương bao gồm: Chính Phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ. Đây là những cơ quan hành chính nhà nước có chức năng quản lý hành chính nhà nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo, điều hành các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Phần lớn các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương ban hành có hiệu lực trong cả nước.

Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, gồm: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp huyện, ủy ban nhân dân cấp xã. Những cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương có chức năng quản lý hành chính nhà nước trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trên phạm vi lãnh thổ tương ứng được giới hạn bởi sự phân chia địa giới hành chính. Các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương ban hành thường chỉ có hiệu lực trong phạm vi lãnh thổ thuộc quyền quản lý hành chính nhà nước của cơ quan hành chính nhà nước địa phương đó.

– Căn cứ vào thẩm quyền, cơ quan hành chính nhà nước được chia thành cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chung và cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chuyên môn.

Các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chung, gồm: Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp. Các cơ quan hành chính nhà nước này có chức năng quản lý hành chính nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, có phương thức lãnh đạo kết hợp giữa lãnh đạo tập thể với lãnh đạo thủ trưởng cá nhân đứng đầu. Ví dụ: Chính phủ quản lý hành chính nhà nước theo phương thức lãnh đạo kết hợp sự lãnh đạo chung của Chính phủ với lãnh đạo của Thủ tướng Chính phủ.

– Căn cứ vào nguyên tắc tổ chức và giải quyết công việc, cơ quan hành chính nhà nước được chia thành cơ quan hành chính nhà nước tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng tập thể lãnh đạo và cơ quan hành chính nhà nước tổ chức và

hoạt động theo chế độ thủ trưởng cá nhân đứng đầu lãnh đạo.

Cơ quan hành chính nhà nước là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, trực thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp, có phương diện hoạt động chủ yếu là hoạt động chấp hành – điều hành, cơ cấu tổ chức và phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định.

3. Hệ thống các cơ quan hành chính Nhà nước

- Cơ quan hành chính nhà nước được phân thành nhiều loại khác nhau dựa trên các tiêu chí như phạm vi lãnh thổ, thẩm quyền, nguyên tắc tổ chức và giải quyết công việc.

- Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ, cơ quan hành chính nhà nước được chia làm hai loại là cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

- Cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương gồm Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ. Đây là những cơ quan hành chính nhà nước có chức năng quản lý hành chính nhà nước trên toàn bộ lãnh thổ, đóng vai trò quan trọng, chỉ đạo các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Phần lớn các văn bản pháp luật do độ trách nhiệm chủ yếu là trách nhiệm cá nhân. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ là trung tâm lãnh đạo và quyết định của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ là quyết định của cơ quan.

BÀI TẬP :

1. Bộ trưởng Bộ A nhận được một số đơn của công chức tố cáo Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ có hành vi sai phạm trong tuyển dụng công chức. Bộ , trưởng đã chuyển đơn cho Chánh Thanh tra Bộ giải quyết. Hỏi: Chánh Thanh tra có thẩm quyền ra quyết định giải quyết vụ việc này không? Tại sao?

– Không

– Vì theo cơ cấu tổ chức, Vụ và Thanh tra Bộ có vị trí pháp lý tương đương. Do vậy, Chánh thanh tra Bộ không có thẩm quyền ra quyết định giải quyết vụ việc trên.

2. Ông V. là công chức làm việc tại Sở T., trong giờ làm việc ông sử dụng xe của cơ quan để giải quyết việc riêng, trên đường gây tai nạn do vượt quá tốc độ quy định. Hỏi: có những loại trách nhiệm pháp lý nào có thể áp dụng với ông V?

– Trách nhiệm kỷ luật: sử dụng xe cơ quan để giải quyết việc riêng.

– Trách nhiệm hành chính: điều khiển phương tiện vượt quá tốc độ gây tai nạn

3. Bộ G. ban hành quy định về hạn chế việc đăng ký xe mô tô, xe gdn máy đối với người dân có hộ khẩu ở các thành phố lớn, theo đó mỗi người chỉ được đăng ký tối đa một xe mô tô hoặc một xe gắn máy. Nêu nhận xét của anh/chị về: Tính hợp pháp và tính hợp lý của văn bản đó?

– Tính hợp pháp: Văn bản này bất hợp hiến. Khoản 2, điều 32, Hiến pháp 2013 có quy định “Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.”

Xâm phạm đến quyền được bảo hộ về tài sản của người dân

– Tính hợp lý: Giảm ùn tắc giao thông

CHƯƠNG 5: CÁN BỘ , CÔNG CHỨC

Giới thiệu: Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Mục tiêu:

- Nắm bắt khái niệm, đặc điểm, phân loại, hệ thống các cơ quan hành chính

Nội dung chính:

1.Chế độ công vụ

Thứ nhất, công được hiểu là là những hoạt động mang tính cộng đồng, công việc chung của toàn đất nước.

Thứ hai, vụ được hiểu là những vụ việc, công việc được giao phải thực hiện.

Như vậy, công vụ hiểu đơn giản chính là hoạt động được tiến hành trên cơ sở pháp luật nhằm thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao thuộc thẩm quyền của Nhà nước vì lợi ích chung của toàn thể dân tộc, lợi ích xã hội và những lợi ích chính đáng của các tổ chức và cá nhân.Nhìn chung đây là những hoạt động có tính bắt buộc và kỷ cương nghiêm khắc, bắt buộc những chủ thể thực hiện những nhiệm vụ được giao phải đảm bảo chính xác, công bằng. Đây là những công việc được thực hiện liên tục để đảm bảo cho cơ chế nhà nước được thực hiện một cách thường xuyên và liên tục trên nguyên tắc sử dụng quyền lực nhà nước và đảm bảo bằng quyền lực nhà nước. Do đó mà những chủ thể thực hiện hành vi này chính là đội ngũ công chức chuyên nghiệp thực hiện.

Hiện nay, để phù hợp với tình hình thực tế nền chính trị của nước ta thì công vụ sẽ có một số tính chất và đặc điểm cơ bản sau đây:

- Mục đích của công vụ là phục vụ cho những lợi ích của nhà nước và nhân dân.
- Chủ thể thực thi nhiệm vụ chính là đội ngũ cán bộ, công viên chức đang làm việc trong bộ máy nhà nước.
- Nguyên tắc hoạt động và làm việc của công vụ chính là theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được nhà nước giao và tuân theo pháp luật.

2.Khái niệm và phân loại cán bộ, công chức

a. Khái niệm:

* Cán bộ :

– Cán bộ là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thông qua hình thức đó là bầu cử, hay phê chuẩn, hay qua hình thức bổ nhiệm để giữ một chức danh, chức vụ theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng, Nhà nước Việt Nam, hoặc tổ chức chính trị – xã hội ở các cấp trung ương, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cũng như cấp huyện, quận, thị xã và thành phố thuộc tỉnh. Là đối tượng thuộc trong biên chế của Nhà nước và hưởng lương từ quỹ lương của ngân sách Nhà nước.

– Một vấn đề cần lưu ý về đội ngũ cán bộ mà chúng ta thường xuyên tiếp xúc đó là cán bộ ở cấp xã, phường, thị trấn. Đây là đội ngũ được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ tại hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, bí thư, phó bí thư Đảng ủy, hay người đứng đầu tổ chức chính trị – xã hội; những người này phải là công dân Việt Nam đã được tuyển dụng theo tiêu chuẩn của pháp luật để giữ một chức danh nhất định về chuyên môn họ đăng ký ứng tuyển và sắp xếp của cơ quan có thẩm quyền. Cán bộ cấp xã là đội ngũ trong biên chế nhà nước và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước đúng theo cấp bậc lương ứng với vị trí phụ trách.

– Khi thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải xem xét về các tiêu chuẩn, chức danh, chức vụ, cũng như các yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với quy hoạch cán bộ theo đúng nhu cầu. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng như Chính phủ sẽ quy định chi tiết về các chế độ trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

– Việc luân chuyển, điều động cán bộ sẽ được căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ hoặc trong kế hoạch quy hoạch và thực hiện trong khối cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam cũng như các tổ chức chính trị – xã hội.

* Công chức :

– Công chức Nhà nước đầu tiên phải là công dân Việt Nam, họ trở thành công chức bằng cách thông qua hình thức đó là tuyển dụng, hay thông qua hình thức bổ nhiệm vào các ngạch, chức vụ hoặc chức danh phù hợp trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam, tổ chức chính trị – xã hội từ cấp trung ương, đến cấp tỉnh, và cấp huyện; tại cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; tại đơn vị, cơ quan thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan hoặc hạ sĩ quan chuyên nghiệp và trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam, tổ chức chính trị – xã hội, thuộc đối tượng trong biên chế và hưởng lương phù hợp với vị trí làm việc từ ngân sách của nhà nước; ngoài ra đối với đơn vị sự nghiệp công lập thì công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý mức lương của đối tượng này được trích ra bảo đảm từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

– Đặc điểm: Công chức Nhà nước được Nhà nước trao cho một quyền hạn nhất định để thực hiện công việc được giao phù hợp với vị trí việc làm của họ. Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ đó thì chỉ được tiến hành các hoạt động trong phạm vi quyền hạn của họ. Họ được giao và phải gánh vác một nghĩa vụ nhất định đối với Nhà nước, đồng thời thực hiện và hoàn thành nó. Cần lưu ý, không như người lao động là hoạt động của họ tạo ra của cải vật chất, công chức nhà nước thực hiện hoạt động thi hành công vụ và không trực tiếp tạo ra của cải vật chất. Đây là hoạt động thuộc về lĩnh vực quản lý Nhà nước. Ở đây ngân sách Nhà nước là quỹ lương mà công chức được nhận từ đó. Việc tạo ra quan hệ lao động này được xác lập dựa trên sự chấp thuận đồng ý của công chức và hơn hết đó là yếu tố quyết định ở đây là ý chí của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

– Công chức được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế của Nhà nước, yêu cầu nhiệm vụ và vị trí làm việc. Việc tuyển dụng công chức đó là bằng hình thức thi tuyển. Người đăng ký thi tuyển công chức làm việc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới,

hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên thì được tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển.

- Cơ quan thực hiện việc tuyển dụng công chức phù hợp với yêu cầu công việc đó là: cao;
 - Kiểm toán Nhà nước, Toàn án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối Văn phòng Chủ tịch nước và văn phòng quốc hội;
 - Cơ quan thuộc chính phủ và Bộ, cơ quan ngang bộ;
 - Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị – xã hội và cơ quan của

Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ủy ban nhân dân thuộc cấp tỉnh.

b. Phân loại cán bộ, công chức

*Cán bộ:

Theo khoản 1, 3 Điều 4 Luật cán bộ, công chức năm 2008, cán bộ được định nghĩa như sau:

- Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

Như vậy, đối với cán bộ từ cấp huyện trở lên thì cần phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- Là công dân Việt Nam;
- Được hình thành từ con đường bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm vụ;
- Làm việc trong các cơ quan nhà nước, Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;
- Trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Đối với cán bộ cấp xã, ngoài việc đáp ứng hai điều kiện cơ bản là công dân Việt Nam và được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ thì còn được xác định cụ thể các chức vụ sau:

- (1) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy.
- (2) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
- (3) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.
- (4) Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(5) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

(6) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

(7) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

(8) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

*** Công chức**

Theo khoản 2, 3 Điều 4 Luật cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019, công chức được định nghĩa như sau:

- Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Công chức cấp xã là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Như vậy, công chức nói chung phải đáp ứng được những điều kiện sau:

- Là công dân Việt Nam;

- Được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh;

- Làm việc trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an.

- Trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Đối với công chức cấp xã, họ là công dân Việt Nam, được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân và trong biên chế, hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Theo đó, công chức cấp xã bao gồm 7 chức danh sau:

(1) Trưởng Công an.

(2) Chỉ huy trưởng Quân sự.

(3) Văn phòng- thống kê.

(4) Địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường (đối với xã).

(5) Tài chính – kế toán.

(6) Tư pháp – hộ tịch.

(7) Văn hóa – xã hội.

3. Cách thức tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức

a. Cách thức tuyển dụng cán bộ, công chức

Căn cứ theo khoản 5 Điều 1 Luật cán bộ, công chức sửa đổi, bổ sung năm 2019 quy định về phương thức tuyển dụng công chức như sau: 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“Điều 37. Phương thức tuyển dụng công chức

1. Việc tuyển dụng công chức được thực hiện thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển công chức phải phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm trong từng ngành, nghề, bảo đảm lựa chọn được người có phẩm chất, trình độ và năng lực.

3. Việc tuyển dụng công chức thông qua xét tuyển được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

a) Cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học;

c) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

4. Ngoài hình thức tuyển dụng thông qua thi tuyển và xét tuyển, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định tiếp nhận người đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm vào làm công chức đối với trường hợp sau đây:

a) Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu nhưng không phải là công chức;

d) Tiếp nhận để bổ nhiệm làm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với người đang là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người đang giữ chức vụ, chức danh quản lý khác theo quy định của Chính phủ trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; người được tiếp nhận phải được quy hoạch vào chức vụ bổ nhiệm hoặc chức vụ tương đương;

đ) Người đã từng là cán bộ, công chức sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

5. Các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này được xem xét tiếp nhận vào làm công chức nếu không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật này; các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này còn phải có đủ 05 năm công tác trở lên phù hợp với lĩnh vực tiếp nhận.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

Việc tuyển dụng công chức phải do cơ quan có thẩm quyền tiến hành và căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí làm việc và chỉ tiêu biên chế. Người đăng kí dự tuyển công chức phải đáp ứng đủ các điều kiện được quy định ở Điều 36 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 mà không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo. Những trường hợp đáp ứng đủ các điều kiện trên và cam kết tình nguyện làm việc từ 5 năm trở lên ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được tuyển dụng thông qua xét tuyển.

Việc tuyển dụng công chức phải được bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; bên cạnh đó cũng cần bảo đảm tính cạnh tranh, tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm; ưu tiên người có tài năng, có công với đất nước và là dân tộc thiểu số.

b. Cách thức sử dụng cán bộ, công chức

Căn cứ pháp lý: Điều 7 Luật cán bộ, công chức 2008

Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thẩm quyền quản lý, phân công, bố trí, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức.

c. Cách thức quản lý cán bộ, công chức

Nội dung quản lý cán bộ, công chức lần đầu tiên được ghi nhận tại Luật Cán bộ, công chức 1998 và nội dung này tiếp tục được sửa đổi, bổ sung theo hướng hoàn thiện qua các Luật Cán bộ, công chức sau này.

Theo cách hiểu thông thường thì cán bộ, công chức là người làm việc trong cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội để thực thi hoạt động công vụ và được hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Khi thực hiện nhiệm vụ được nhân dân giao phó, cán bộ công chức phải không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ, công vụ được giao.

Theo quy định của Luật thì nội dung quản lý cán bộ, công chức gồm ba nội dung chính: Xây dựng và ban hành khung pháp lý; tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức; hướng dẫn tổ chức thực hiện.

4. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức

a. Quyền của cán bộ, công chức

- * Quyền của cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ
 - Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ.
 - Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật.
 - Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
 - Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
 - Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ.

* Quyền của cán bộ, công chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương

- Được Nhà nước bảo đảm tiền lương tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

- Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

- * Quyền của cán bộ, công chức về nghỉ ngơi

Cán bộ, công chức được nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, nghỉ để giải quyết việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ, công chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hàng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ.

- * Các quyền khác của cán bộ, công chức

Cán bộ, công chức được bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; nếu bị thương hoặc hy sinh trong khi thi hành công vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- b. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức

- * Nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân

- Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia.

- Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

- Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- * Nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ

- Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.

- Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.

- Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường

hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

* Nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu

Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật cán bộ, công chức 2008, cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;

- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;

- Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Chế độ khen thưởng và trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức

Chế độ khen thưởng và trách nhiệm pháp lý của công chức cũng thuộc nội dung quản lý nhà nước, vì vậy cần xem xét trong mục quản lý nhà nước đối với công chức.

a. Chế độ khen thưởng cán bộ, công chức

- Ý nghĩa chế độ khen thưởng công chức: Ngoài ý nghĩa chính trị, tinh thần thì còn có ý nghĩa khác như ảnh hưởng đến việc xem xét nâng ngạch thời hạn, hoặc xét cử đi đào tạo.

Điều 76. Khen thưởng cán bộ, công chức

1. Cán bộ, công chức có thành tích trong công vụ thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Cán bộ, công chức được khen thưởng do có thành tích xuất sắc hoặc công trạng thì được nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên khi xem xét bổ nhiệm chức vụ cao hơn nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu.

Chính phủ quy định cụ thể khoản này.

- Các hình thức khen thưởng:

+ Khen thưởng về vật chất (thường bằng hiện vật, tiền)

+ Khen thưởng về tinh thần (giấy khen, bằng khen, danh hiệu vinh dự nhà nước, huy chương, huân chương)

+ Khen thưởng được áp dụng cho tất cả cá nhân, tập thể

b. Chế độ trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức

- Trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức: là sự gánh chịu những hậu quả bất lợi theo quy định của pháp luật đối với những cán bộ, công chức vi phạm pháp luật (VPPL) có liên quan đến hoạt động công vụ hoặc dịch vụ công.

+ Chủ thể VPPL là cán bộ, công chức nhà nước;

- Các dạng trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức

+ Trách nhiệm hình sự: cơ sở của trách nhiệm hình sự là tội phạm

+ Trách nhiệm hành chính: được áp dụng đối với những cán bộ, công chức không tuân thủ các quy tắc hoạt động hành chính nhà nước

+ Trách nhiệm lý luật và trách nhiệm vật chất

+ Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

BÀI TẬP :

Câu 1. Bà Lê Thị Q là công chức địa chính công tác tại UBND xã X. Bà Q đã có hành vi vi phạm pháp luật khi thực hiện công vụ được giao, nên cách đây 6 tháng, đã bị kỷ luật ở hình thức hạ một bậc lương. Nay bà Q lại tái phạm nên đã bị Chủ tịch UBND xã X kỷ luật ở hình thức hạ ngạch. Việc kỷ luật như trên đúng hay sai? Tại sao?

Sai. Theo khoản 1 Điều 79 Luật cán bộ, công chức 2008 thì không có hình thức hạ ngạch.

Điều 79. Các hình thức kỷ luật đối với công chức

1. Công chức vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Hạ bậc lương;

d) Giáng

chức; đ) Cách

chức;

e) Buộc thôi việc.

Hơn nữa, Chủ tịch xã không có quyền hạ ngạch. Về nguyên tắc, ai có quyền nâng ngạch thì người đó mới có quyền hạ ngạch

Câu 2. Thực hiện kế hoạch thanh tra định kỳ, đoàn thanh tra tỉnh H do Chánh thanh tra tỉnh làm trưởng đoàn đã về thanh tra tại UBND huyện Y. Trong quá trình thanh tra, xét thấy Chủ tịch UBND huyện Y có nhiều hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích nhà nước, cản trở quá trình thanh tra nên đã quyết định tạm đình chỉ

công tác đối với Chủ tịch UBND huyện Y. Việc ban hành quyết định trên của Trưởng đoàn thanh tra tỉnh là đúng hay sai? Tại sao?

Không đúng.

Đoàn thanh tra chỉ là cơ quan giúp việc cho thanh tra tỉnh nên không có quyền ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác

Câu 3. Khi xét xử hành chính, toà án có thể ban hành quyết định thay cho quyết định hành chính hay không? Tại sao?

– Tòa án không thể ban hành quyết định hành chính.

– Trên nguyên tắc, trong quá trình xét xử, Tòa án phát hiện và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của QH, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức.

CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ CÁ NHÂN

Giới thiệu: Trong xã hội hiện nay chúng ta thường thấy có khá nhiều loại hình tổ chức xã hội, gần gũi nhất đối với hoạt động đời sống tại gia đình mỗi cá nhân đó là mô hình tổ dân phố tự quản hay thôn xóm hay Hội liên hiệp phụ nữ, hội cựu chiến binh hoặc chế độ mà chúng ta đang được lãnh đạo đó là dưới chế độ quản lý của Đảng cộng sản

Mục tiêu:

- Nắm bắt tổ chức xã hội và cá nhân

Nội dung chính:

1. Tổ chức xã hội

Tổ chức xã hội là hình thức tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam có chung mục đích tập hợp, hoạt động theo pháp luật và theo điều lệ, không vì lợi nhuận nhằm đáp ứng lợi ích chính đáng của các thành viên và tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Cùng với quá trình dân chủ hoá, các quyền con người ở Việt Nam được pháp luật bảo vệ ngày càng toàn diện hơn. Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định: Công dân Việt Nam có quyền lập hội theo quy định của pháp luật. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc để các tổ chức xã hội ra đời, tồn tại và phát triển. Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang tiến hành công cuộc “công nghiệp hoá, hiện đại hoá” xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì quyền tự do, dân chủ của công dân càng được chú trọng mở rộng và bảo vệ. Bên cạnh đó, xu thế hội nhập quốc tế đang là tác nhân thúc đẩy sự ra đời và phát triển của các tổ chức xã hội ở Việt Nam.

Sự ra đời, tồn tại và phát triển của tổ chức xã hội có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Về chính trị, tổ chức xã hội là chỗ dựa của chính quyền nhân dân. Với vai trò hội tụ sức mạnh đoàn kết toàn dân, tăng người khác phải tham gia hay không được tham gia vào các tổ chức xã hội nhất định. Tuy nhiên, mỗi tổ chức xã hội đều đặt ra những tiêu chuẩn nhất định đối với người muốn trở thành thành viên của tổ chức xã hội đó.

Điều 1 Điều lệ công đoàn Việt Nam năm 2003 quy định: "*Công nhân, viên chức, lao động Việt Nam làm công, hưởng lương, người lao động tự do hợp pháp, không phân biệt nghề nghiệp, nam nữ, tín ngưỡng nếu tán thành Điều lệ công đoàn Việt Nam, tự nguyện sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở của công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định thì được gia nhập công đoàn*".

Yếu tố tự nguyện còn biểu hiện trong việc kết nạp hay khai trừ các thành viên của tổ chức xã hội hoàn toàn do tổ chức xã hội đó và những người muốn tham gia quyết định. Nhà nước không can thiệp và cũng không sử dụng quyền lực nhà nước để chi phối hoạt động đó. Mỗi tổ chức xã hội là tập hợp những thành viên có cùng chung dấu hiệu đặc điểm.

Ví dụ: Cùng chung mục đích lí tưởng như Đảng cộng sản Việt Nam, cùng giai cấp như Hội nông dân Việt Nam, cùng độ tuổi như Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cùng giới tính như Hội liên hiệp phụ nữ, cùng nghề nghiệp như Hội nhà văn, Hội nhà báo, cùng chung sở thích như hội những người yêu thể thao, thậm chí có thể cùng chung một dấu hiệu khuyết tật như Hội người mù... Họ liên kết nhau lại, tìm

tiếng nói chung trong hình thức tổ chức xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu và bảo vệ những lợi ích chính đáng của mình.

- Các tổ chức xã hội nhân danh chính tổ chức mình để tham gia hoạt động quản lý nhà nước, chỉ trong trường hợp đặc biệt do pháp luật quy định tổ chức xã hội mới hoạt động nhân danh nhà nước. Đặc điểm này của tổ chức xã hội thể hiện tổ chức xã hội không phải là bộ phận trong cơ cấu của bộ máy nhà nước. Nhà nước thừa nhận và bảo hộ sự tồn tại của các tổ chức xã hội được trái pháp luật và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn. Việc Nhà nước phê chuẩn điều lệ hoạt động của tổ chức xã hội là kiểm tra, đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp của các điều lệ đó, cho phép các tổ chức xã hội tồn tại và hoạt động theo điều lệ. Điều lệ của các tổ chức xã hội không phải là văn bản pháp luật, các quy định trong điều lệ không mang tính pháp lý, chúng chỉ điều chỉnh các quan hệ xã hội trong nội bộ của tổ chức xã hội đó và chỉ có hiệu lực đối với các thành viên trong tổ chức. Mặt khác, điều lệ hoạt động của các tổ chức xã hội cũng không quy định quyền và nghĩa vụ pháp lý của các tổ chức xã hội, không xác định năng lực chủ thể của các tổ chức xã hội trong các quan hệ quản lý nhà nước.

Năng lực chủ thể của các tổ chức xã hội để tham gia vào các quan hệ pháp luật do Nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật về quản lý hội và các văn bản pháp luật có liên quan, Tổng thể các quy phạm pháp luật quy định về quyền và nghĩa vụ pháp lý của tổ chức xã hội trong lĩnh vực hành chính nhà nước tạo thành quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội. Trong quá trình hoạt động, các tổ chức xã hội tự giải quyết các công việc nội bộ của mình, Nhà nước sẽ không can thiệp nếu hoạt động của các tổ chức xã hội không trái pháp luật.

- Các tổ chức xã hội hoạt động không nhằm mục đích lợi nhuận mà nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên.

Đặc điểm này phân biệt tổ chức xã hội với các tổ chức kinh tế như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, các hợp tác xã, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ...

Các tổ chức xã hội có vai trò quan trọng trong việc giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, trước hết là cho các thành viên trong tổ chức đó. Thông qua những quy định trong điều lệ hoạt động của tổ chức xã hội, thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật thường xuyên đối với các thành

Tổ chức phi chính phủ có hai loại: Tổ chức phi chính phủ mang tính quốc gia và tổ chức phi chính phủ mang tính quốc tế. Tổ chức phi chính phủ mang tính quốc gia có các thành viên cùng mang một quốc tịch. Tổ chức phi chính phủ mang tính quốc tế có các thành viên mang nhiều quốc tịch khác nhau. Các tổ chức này hoạt động trên phạm vi toàn thế giới, phải tuân thủ pháp luật của tất cả các nước có thành viên hợp tác.

Các tổ chức tôn giáo không thuộc các tổ chức xã hội theo khái niệm về tổ chức xã hội trong Chương này. Tuy không có ranh giới rõ ràng nhưng hầu hết các quốc gia đều theo cách gọi độc lập và trực tiếp đối với các tổ chức tôn giáo, không xếp các tổ chức tôn giáo thuộc tổ chức xã hội. Mỗi tôn giáo đều được tạo nên bởi một cộng đồng có chung nhu cầu tín ngưỡng. Tổ chức tôn giáo là tập hợp người có mối liên hệ thứ bậc với các chức sắc nội bộ, hoạt động với các quy định và chuẩn mực riêng của tôn giáo nhằm duy trì, phát triển và truyền bá giáo lý với các nghi lễ đảm bảo sự tồn tại phát triển của chính bản thân tôn giáo.

2. Cá nhân

Cá nhân là con người cụ thể từ khi sinh ra cho đến khi chết đi và tồn tại trong một tập thể hoặc trong một cộng đồng xã hội.

Cá nhân là chủ thể phổ biến của các giao dịch dân sự. Khi tham gia giao dịch dân sự cá nhân phải là người thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Người không có năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự muốn tham gia giao dịch dân sự phải thông qua hành vi của người đại diện hợp pháp mới có giá trị pháp lý.

Trong pháp luật dân sự, cá nhân - với tư cách là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự - là công dân Việt Nam, người nước ngoài có quốc tịch hoặc không có quốc tịch.

Như vậy, dưới góc độ pháp lý cá nhân được xem như một thực thể, một chủ thể của quan hệ pháp luật.

Dưới góc độ xã hội, theo trang wikipedia thì: **Cá nhân** (tiếng Anh: person) là một sinh vật (cơ thể sống), ví dụ như con người, có các năng lực và thuộc tính tạo thành nhân vị tính (personhood). Khái niệm nhân vị tính được các tác giả định nghĩa khác nhau trong các chuyên ngành và các nền văn hóa khác nhau theo không gian và thời gian.

Ngoài vấn đề nhân vị tính về việc khi nào thì một sinh vật được tính là một cá nhân, thì còn có các vấn đề khác về bản sắc cá nhân (personal identity) và tự ngã (bản thân, self). Cả hai khái niệm này đều nói về thứ mà làm cho bất cứ một cá nhân cụ thể nào là cá nhân đó chứ không phải là cá nhân khác, và nói về thứ làm cho một cá nhân tại một thời điểm sẽ chính là cá nhân đó tại thời điểm khác (trong tương lai hay trong quá khứ) dù cho có bất cứ thay đổi nào xảy ra.

BÀI TẬP :

Câu 1. Ông V. là công chức làm việc tại Sở T., trong giờ làm việc ông sử dụng xe của cơ quan để giải quyết việc riêng, trên đường gây tai nạn do vượt quá tốc độ quy định. Hỏi: có những loại trách nhiệm pháp lý nào có thể áp dụng với ông V?

- Trách nhiệm kỷ luật: sử dụng xe cơ quan để giải quyết việc riêng.
- Trách nhiệm hành chính: điều khiển phương tiện vượt quá tốc độ gây tai

nạn
Câu 2. Bộ G. ban hành quy định về hạn chế việc đăng ký xe mô tô, xe gắn máy

đối với người dân có hộ khẩu ở các thành phố lớn, theo đó mỗi người chỉ được đăng ký tối đa một xe mô tô hoặc một xe gắn máy.

Nêu nhận xét của anh/chị về: Tính hợp pháp và tính hợp lý của văn bản đó?

- Tính hợp pháp: Văn bản này bất hợp hiến. Khoản 2, điều 32, Hiến pháp 2013 có quy định “Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.”
Xâm phạm đến quyền được bảo hộ về tài sản của người dân

- Tính hợp lý: Giảm ùn tắc giao thông

CHƯƠNG 7 : QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH

Giới thiệu: Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể

Mục tiêu:

- Nắm bắt khái niệm, đặc điểm, phân loại, các yêu cầu, khiếu nại, khiếu kiện đối với quyết định hành chính

Nội dung chính:

1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định hành chính

a. Khái niệm:

Quyết định là văn bản quy phạm pháp luật được dùng để ban hành các biện pháp, thể lệ cụ thể nhằm thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước do cơ quan và cá nhân có thẩm quyền ban hành để giải quyết công việc hàng ngày của tổ chức, cơ quan.

Ví dụ: Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý cho các đơn vị và cá nhân cụ thể của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; hay như các quyết định cấp đất, quyết định thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh....

Quyết định hành chính là những quyết định được xác lập trong lĩnh vực quản lý hành chính để thể hiện ý chí quyền lực đơn phương của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, của người có chức vụ, tổ chức và cá nhân được nhà nước trao quyền, được thực hiện trên cơ sở và để thi hành pháp luật, theo trình tự và hình thức do pháp luật quy định hướng tới việc thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính.

Ví dụ về một số quyết định hành chính như : Quyết định tăng lương, quyết định luân chuyển công tác....

b. Đặc điểm của quyết định hành chính

Vì quyết định hành chính vẫn có yếu tố cơ bản của một quyết định nên quyết định hành chính sẽ có những đặc điểm chung của một quyết định như sau:

+ Quyết định hành chính mang tính quyền lực Nhà nước:

Quyền lực Nhà nước được thể hiện thông qua việc các cơ quan Nhà nước ban hành ra các văn bản. Tính quyền lực thể hiện rõ nhất ở nội dung của văn bản mà các cơ quan Nhà nước ban hành ra. Nội dung của quyết định thể hiện rõ tính mệnh lệnh, đảm bảo nội dung của quyết định phải được thi hành kể cả là bằng những biện pháp cưỡng chế của Nhà nước khi cần.

Ngoài mặt nội dung thì tính quyền lực của Nhà nước của quyết định hành chính còn được thể hiện qua hình thức của quyết định. Bởi lẽ theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 chỉ có các cơ quan thuộc Nhà nước mới có thẩm quyền ra các quyết định đơn phương để điều chỉnh, bắt buộc các cá nhân tổ chức có liên quan tuân theo mệnh lệnh để thực hiện các mục tiêu, lợi ích chung.

+ Quyết định hành chính mang tính pháp lý:

Tính pháp lý là những lý lẽ, lẽ phải theo pháp luật, giá trị pháp lý của quyết định bắt nguồn từ một sự việc, hiện tượng xã hội. Đây là tính bắt buộc từ các quyết định do Nhà nước ban hành. Khi các quyết định được ban hành sẽ có tác động đến cơ chế điều chỉnh pháp luật, là phương thức được dùng để đưa ra các phương pháp, các hướng giải quyết những trường hợp, những vấn đề cụ thể chưa có cách giải quyết. Cũng từ đó, làm phát sinh những quy phạm pháp luật mới có hiệu lực pháp lý từ thời điểm ban hành, hoặc là thay thế những quyết định cũ đã không còn có hiệu lực, hoặc là sửa đổi bổ sung những quyết định có nội dung tương tự trước đó.

Ngoài hai đặc điểm chung nêu trên thì quyết định hành chính còn có những đặc điểm riêng biệt, chỉ quyết định hành chính mới có như sau:

+ Quyết định hành chính mang tính dưới luật:

Nguồn gốc của quyết định hành chính được xuất phát từ các cơ quan mang tính quyền lực Nhà nước, do vậy khi các chủ thể tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành việc soạn thảo, nghiên cứu và ban hành ra các văn bản quyết định hành chính thì các văn bản quyết định hành chính được ban hành này sẽ được coi là các văn bản dưới luật và được tiến hành đưa ra thực hiện nhằm thực thi các quy định pháp luật.

+ Quyết định hành chính được ban hành bởi nhiều chủ thể

Thông thường các chủ thể trong cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được ban hành các quyết định hành chính là các chủ thể tại các đơn vị hành chính các cấp trung ương, địa phương... các chủ thể có thẩm quyền chung cũng như thẩm quyền riêng về vấn đề, nội dung mà quyết định hành chính được ban hành.

+ Quyết định hành chính có nhiều nội dung và mục đích phong phú, đa dạng

Đặc điểm này của quyết định hành chính xuất phát từ chính những đặc điểm thực tế mà các quyết định hành chính quản lý. Đó là các vấn đề trong xã hội, trong việc quản lý, điều khiển các vấn đề xã hội. Không chỉ phong phú về mặt nội dung mà các quyết định hành chính còn đa dạng cả về mặt hình thức. Các quyết định hành chính có những loại hình thức tiêu biểu như: nghị quyết, nghị định, quyết định, thông tư, chỉ định, công văn....

2. Phân loại quyết định hành chính

Việc phân loại quyết định hành chính là một việc vô cùng quan trọng trong quá trình quản lý và điều hành hệ thống pháp luật hành chính của Nhà nước Việt Nam. Việc phân loại sẽ giúp cho các chủ thể ban hành quyết định hành chính cũng như các chủ thể, đơn vị tổ chức, cá nhân áp dụng thực hiện sẽ không gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực thi các quyết định hành chính này.

Cũng chính vì quyết định hành chính có nhiều đặc điểm tính chất nên việc phân loại các quyết định hành chính cũng sẽ phải căn cứ vào các đặc điểm tính chất này của quyết định hành chính.

+ Căn cứ và tính chất pháp lý thì quyết định hành chính được chia làm ba loại đó là:

Thứ
nhất

quyết
định
hành
chính
chủ
đạo
Thứ
hai
quyết
định
hành
chính
quy
phạm

Thứ ba quyết định hành chính cá biệt.

+ Căn cứ vào chủ thể có thẩm quyền ban hành quyết định thì quyết định hành chính được ban hành thành năm loại quyết định hành chính như sau:

Thứ nhất quyết định hành chính của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành;

Thứ hai quyết định hành chính của các bộ và cơ quan ngang bộ thuộc thẩm quyền của các bộ và cơ quan ngang bộ ban hành;

Thứ ba quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân do Ủy ban nhân dân các cấp ban hành;

Thứ tư quyết định hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân do các cơ quan chuyên môn tại Ủy ban nhân dân ban hành;

Thứ năm quyết định hành chính liên tịch.

3. Các yêu cầu đối với quyết định hành chính

a. Khái quát về quyết định hành chính

Quyết định hành chính là một dạng của quyết định pháp luật, là kết quả sự thể hiện ý chí quyền lực của nhà nước thông qua những hành vi của các chủ thể được thực hiện quyền hành pháp trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước tiến hành theo một trình tự dưới những hình thức nhất định theo quy định của pháp luật, nhằm đưa ra những chủ trương, biện pháp, đặt ra các quy tắc xử sự hoặc áp dụng những quy tắc đó giải quyết một công việc cụ thể trong đời sống xã hội nhằm thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước.

Quyết định hành chính, ngoài hai đặc điểm chung của quyết định pháp luật là tính quyền lực nhà nước và tính pháp lý còn có các đặc điểm riêng như tính dưới luật; do những chủ thể có thẩm quyền trong quản lý hành chính nhà nước ban hành; có mục đích và nội dung phong phú, đa dạng. Chính bởi những đặc điểm đó mà quyết định hành chính khi ra đời phải đảm bảo những yêu cầu về tính hợp pháp và tính hợp lý.

b. Yêu cầu về tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính

Hợp pháp tức là đúng với pháp luật hay không trái pháp luật. Mọi vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật được coi là có tính hợp pháp khi và chỉ khi nó được thực hiện theo đúng những yêu cầu mà pháp luật đặt ra. Với đó, một quyết định hành chính ra đời chỉ hợp pháp khi đảm bảo theo đúng những quy định của pháp luật về thẩm quyền của chủ thể ban hành, trình tự thủ tục ban hành và không trái với những văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Hợp lý, theo nghĩa chung, là đúng lẽ phải, đúng với sự cần thiết, phù hợp với logic của sự vật. Không có điều gì tồn tại được lâu dài nếu như nó bất hợp lý. Một quyết định hành chính cũng vậy. Để ra đời và tồn tại lâu dài, một quyết định hành chính phải đảm bảo các yêu cầu về tính hợp lý như đảm bảo lợi ích của Nhà nước cũng như nguyện vọng của nhân dân, phù hợp thực tế khách quan, ngôn ngữ dễ hiểu, chính xác, rõ ràng, có tính dự báo và tính khả thi cao.

Một quyết định hành chính không thể tồn tại nếu thiếu một trong hai tính hợp pháp hoặc hợp lý. Trước hết, các quyết định hành chính ra đời trên cơ sở luật và đề thi hành luật, chính thể cho nên, không thể tồn tại một quyết định hành chính bất hợp

pháp. Nếu một quyết định hành chính không đảm bảo những yêu cầu về tính hợp pháp thì đương nhiên là nó sẽ bị mất hiệu lực.

Thứ hai, mọi quyết định hành chính đều ra đời nhằm thực hiện chức năng quản lí hành chính nhà nước, thực thi pháp luật trên thực tế, do đó, quyết định hành chính không chỉ đảm bảo lợi ích nhà nước mà còn phải phù hợp thực tế khách quan cùng nguyện vọng nhân dân; phải rõ ràng chính xác để tránh bị hiểu sai, áp dụng sai; phải có tính khả thi mới có thể tiến hành áp dụng quyết định đó trên thực tế; phải có tính dự báo để hạn chế việc thay đổi liên tục các quyết định hành chính theo từng giai đoạn nhằm ổn định đời sống pháp luật của nhân dân.

Từ phân tích trên có thể thấy rằng, tính hợp pháp và hợp lí luôn gắn bó với nhau, cả về nội dung lẫn hình thức như một chỉnh thể thống nhất mà nếu thiếu một trong những yêu cầu đó thì việc ban hành quyết định hành chính sẽ không hiệu quả, đạt được mục đích.

*** Yêu cầu về tính hợp pháp của quyết định hành chính.**

Theo yêu cầu đặt ra trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay, một quyết định hành chính chỉ có hiệu lực thi hành khi nó hợp pháp, tức là thoả mãn tất cả các yêu cầu sau:

Thứ nhất, quyết định hành chính được ban hành phải phù hợp với nội dung và mục đích của luật, không trái với hiến pháp, luật, pháp lệnh và các quy định của cơ quan nhà nước cấp trên. Điều này xuất phát từ đặc điểm riêng của quyết định hành chính, đó là tính dưới luật. Chính bởi hiệu lực pháp lí của các quyết định hành chính luôn thấp hơn luật nên không thể trái ngược với những quy định mà hiến pháp và luật đã đặt ra.

Ngược lại chính là vi hiến, vi pháp. Bất kì văn bản luật nào vi hiến, vi pháp đều sẽ bị xử lí, điều chỉnh. Ví dụ: Ngày 23/4/2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành Thông tư số 22/2008/TT-BGDĐT hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục và hồ sơ xét tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú (gọi tắt là Thông tư 22). Tuy nhiên, Thông tư 22 đã có dấu hiệu vượt quá Điều 62 Luật Thi đua khen thưởng năm 2003. Vì vậy, lãnh đạo Bộ Tư pháp và lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ đã có buổi làm việc với đại diện của Bộ GD &ĐT bàn về cách xử lý Thông tư 22.

Thứ hai, quyết định hành chính được ban hành trong phạm vi thẩm quyền của chủ thể ra quyết định quản lí. Các cơ quan (người có chức vụ) tuyệt đối không được ban hành những quyết định mà pháp luật không cho phép, vượt quá phạm vi quyền hạn được trao, thậm chí không được lẫn tránh và lạm quyền. Việc đảm bảo đúng thẩm quyền ở đây là thẩm quyền trên hai khía cạnh phạm vi và lĩnh vực. Cơ quan nào phụ trách quản lí cho khu vực, lĩnh vực gì thì ra quyết định hành chính cho khu vực, lĩnh vực ấy, không được phép vượt quá thẩm quyền mình có, thậm chí, cấp trên cũng không được can thiệp vào lĩnh vực của cấp dưới.

Ví dụ như chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố, tuy thẩm quyền rất rộng, trên mọi lĩnh vực của thành phố đó nhưng thẩm quyền của chủ tịch ủy ban nhân dân là thẩm quyền chung, không thể can thiệp vào công việc của những cơ quan hành chính hành chính khác thuộc địa phận thành phố (ví dụ như chủ tịch UBND không thể ra quyết định xử phạt hành chính đối với người vi phạm luật giao thông, công việc đó thuộc thẩm quyền của công an giao thông thành phố).

Thứ ba, quyết định hành chính phải bảo đảm trình tự, thủ tục, hình thức theo luật định. Các quyết định hành chính, nhất là các quyết định hành chính chủ đạo bắt buộc phải đảm bảo các trình tự thủ tục xây dựng và ban hành như quy định của pháp luật. Quyết định hành chính chủ đạo yêu cầu rất cao đối với vấn đề trình tự thủ tục bởi nội dung của nó quyết định những vấn đề rất lớn, có trình tự thủ tục phức tạp, hội đồng họp và thảo luận dựa trên dự thảo, thông qua theo ý kiến đa số, không thể ban hành một cách tùy tiện.

Các quyết định quy phạm và quyết định cá biệt tuy không có trình tự thủ tục phức tạp như quyết định chủ đạo nhưng đều là những văn bản pháp luật, có tính pháp lý nên về hình thức, trình tự thủ tục xây dựng và ban hành phải tuân thủ theo đúng những gì pháp luật đã quy định.

*** Yêu cầu về tính hợp lý của quyết định hành chính.**

Để bảo đảm tính hiệu quả, quyết định hành chính phải đáp ứng các yêu cầu về tính hợp lý vì có hợp lý thì mới có khả năng thực thi cao. Một quyết định hành chính được coi là có tính hợp lý khi nó đáp ứng được yêu cầu sau đây :

Thứ nhất, quyết định hành chính phải tính đến yêu cầu tổng thể bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, tập thể và cá nhân. Yêu cầu này đòi hỏi sự cân đối hợp lý giữa lợi ích Nhà nước và xã hội, coi lợi ích Nhà nước và lợi ích chung của công dân là tiêu chí để đánh giá sự hợp lý của quyết định hành chính.

Ví dụ: Quyết định hủy 28 điểm bắn pháo hoa mừng Đại lễ trên địa bàn thành phố Hà Nội, chỉ tổ chức bắn pháo hoa tại điểm duy nhất là sân vận động Mỹ Đình là một quyết định hợp lý bởi nó vừa đảm bảo việc tổ chức đại lễ được tốt đẹp vừa hợp lòng dân vì đã tiết kiệm được chi phí tổ chức để ủng hộ đồng bào miền Trung đang gặp thiên tai.

Thứ hai, quyết định hành chính phải xuất phát từ yêu cầu khách quan của việc thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước, tuyệt đối không được xuất phát từ ý muốn chủ quan của chủ thể ra quyết định. Ví dụ: Khung giá đất do nhà nước đưa ra quy định cho từng khu vực là không giống nhau và thay đổi theo từng thời kì, phụ thuộc vào giá đất thực tế trên thị trường để đảm bảo lợi ích chính đáng của nhân dân.

Thứ ba, quyết định hành chính phải có tính dự báo, phải xem xét hiệu quả không chỉ về kinh tế mà cả về chính trị – xã hội, cả mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa hậu quả trực tiếp và gián tiếp, kết quả trước mắt và kết quả cuối cùng. Các biện pháp được đề ra trong quyết định phải phù hợp đồng bộ với biện pháp trong quyết định có liên quan.

Ví dụ: Khi lên dự thảo về một quyết định hành chính, phải dự trù được tất cả những vấn đề liên quan như cơ sở vật chất, phương tiện thi hành, cán bộ thực hiện, ngân sách, tài chính... phải tính toán cả thời gian từ khâu chuẩn bị cho đến khi quyết định được công bố, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của xã hội khi ấy, tránh tình trạng kéo dài thời gian xây dựng, đến khi ban hành rồi thì quyết định đưa ra lại không còn phù hợp với tình hình thực tế. Cũng cần phải tính đến sự điều chỉnh của các cơ quan khác lên những vấn đề liên quan đến lĩnh vực cơ quan mình điều chỉnh để đưa ra quyết định phù hợp.

Thứ tư, quyết định hành chính phải bảo đảm kỹ thuật lập quy, tức là ngôn ngữ, văn phong, cách trình bày phải rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, thuật ngữ pháp lý chính

xác, không đa nghĩa. Bởi các quyết định hành chính ban hành nhằm để thi hành luật trên thực tế nên nếu không rõ ràng chính xác sẽ dễ gây hiểu lầm dẫn đến áp dụng sai, thậm chí là tùy tiện, bừa bãi, “lách luật” để phạm pháp.

Thứ năm, quyết định hành chính phải có tính khả thi, có nghĩa là phải có cơ sở, điều kiện để thực hiện quyết định trên thực tế. Những quyết định không mang tính khả thi trên thực tế sẽ không đem lại hiệu quả mong muốn, Ví dụ: trước đây đã từng có ý kiến giám ách tắc giao thông bằng cách chỉ cho phép xe máy có biển số chẵn đi ngày chẵn, còn xe máy có biển số lẻ đi ngày lẻ, quyết định trên không có tính khả thi do đó đã không được áp dụng trên thực tế

4. Khiếu nại, khiếu kiện đối với quyết định hành chính

a. Khiếu nại hành chính:

Là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

=> Từ khái niệm trên cho thấy, nội dung khiếu nại hành chính là khiếu nại về tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính và quyết định kỉ luật đối với cán bộ, công chức là những sự việc phát sinh trong hoạt động quản lý hành chính.

- Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại và chọn cơ quan hành chính nhà nước giải quyết khiếu nại của mình.

- Phạm vi khiếu nại hành chính rộng, bao gồm tất cả các lĩnh vực của quản lý hành chính nhà nước.

- Chủ thể giải quyết khiếu nại hành chính là cơ quan hành chính nhà nước. Theo quy định của pháp luật về khiếu nại, cơ quan hành chính nhà nước bắt buộc phải thực hiện thủ tục pháp lý nhất định về giải quyết khiếu nại.

- Giải quyết khiếu nại hành chính được thực hiện theo thủ tục hành chính; đối với khiếu nại hành chính lần đầu, cơ quan hành chính nhà nước có quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính vừa có tư cách là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, vừa là người bị khiếu nại; đối với khiếu nại hành chính lần hai, thì cơ quan hành chính nhà nước có quyết định hành chính, hành vi hành chính là người bị khiếu nại, cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp của cơ quan hành chính này là cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Các cá nhân, tổ chức khiếu nại tham gia thủ tục pháp lý về khiếu nại với tư cách là người khiếu nại. Để giải quyết khiếu nại hành chính, cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền giải quyết phải tiến hành kiểm tra, xác minh, làm việc, đối thoại với người khiếu nại và các cơ quan có liên quan (nếu thấy cần thiết) để làm rõ nội dung khiếu nại. Căn cứ các quy định của pháp luật để kết luận nội dung khiếu nại, về tính hợp pháp, hợp lý của quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính bị khiếu nại; ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại bị xâm hại bởi quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính trái pháp luật (nếu có).

b. Khiếu kiện hành chính :

Là việc người khiếu nại khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính đến Tòa án hay gọi là khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính được gọi là khiếu kiện hành chính. Nói cách khác, khiếu kiện hành chính được dùng để chỉ việc người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại của mình đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính tại cơ quan Tòa án, chọn Tòa án là cơ quan giải quyết khiếu nại của mình.

Trước đây, khiếu nại hành chính chỉ do cơ quan hành chính nhà nước giải quyết, vào ngày 01 tháng 7 năm 1996, đã ra đời Tòa Hành chính trong hệ thống Tòa án nhân dân, từ đó Tòa Hành chính cũng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại hành chính theo trình tự tố tụng tư pháp. Tại thời điểm đó, Tòa Hành chính thụ lý giải quyết các vụ việc khiếu nại hành chính còn hạn chế.

Hiện nay, theo Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016) đã giải thích rõ: Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh... Đồng thời, đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống và quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh vẫn giữ nguyên; nhưng quy định bổ sung quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

BÀI TẬP :

Câu 1. Anh Y là công chức làm việc tại cơ quan A. có hành vi vi phạm kỷ luật. Thủ trưởng cơ quan A. đã ra quyết định xử lý kỷ luật bao g-m hai hình thức: kéo dài thời hạn nâng bậc lương thêm một năm và cdt thưởng cuối năm của Y.

Hỏi Quyết định xử lý kỷ luật đó có đúng không? Tại sao

– Quyết định xử lý kỷ luật đó không đúng vì: (1) Trong các hình thức kỷ luật cán bộ, công chức không có hình thức cdt thưởng; (2) Dữ liệu đề chương đưa ra không đủ để xác định thời hạn nâng bậc lương được kéo dài bao lâu: Điều 82.

Các quy định khác liên quan đến cán bộ, công chức bị kỷ luật. 1. Cán bộ, công chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 06 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; nếu bị giáng chức, cách chức thì thời gian nâng lương bị kéo dài 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực. (Luật cán bộ công chức 2008)

Câu 2. Ông V. là công chức làm việc tại Sở T., ngoài giờ làm việc ông có lấy xe của cơ quan đi giải quyết việc riêng, trên đường đi do phóng nhanh quá tốc độ quy định nên gây tai nạn. Hỏi Sở T. có phải bồi thường cho người bị nạn hay không? Tại sao?

– Sở T không phải đứng ra bồi thường cho người bị nạn, trách nhiệm bồi thường thuộc về ông V. Vì đối với trách nhiệm vật chất, cơ quan, tổ chức chỉ bồi thường thiệt hại cho người thiệt hại khi cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi hành công vụ gây thiệt hại cho người khác. Trong trường hợp này,

ông V đã vi phạm pháp luật ngoài giờ làm việc của cơ quan nên phải bồi thường thiệt hại

CHƯƠNG 8: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Giới thiệu: Thủ tục hành chính là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.

Mục tiêu:

- *Nắm bắt khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc, các yêu cầu của việc cải cách hành chính*

Nội dung chính:

1. Khái niệm và đặc điểm của thủ tục hành chính

a. Khái niệm:

Thủ tục hành chính là cách thức và trình tự thực hiện thẩm quyền quản lý hành chính nhà nước của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước và cách thức tham gia vào các công việc quản lý hành chính nhà nước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong quản lý hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Nghị định 63/2010/NĐ-CP có quy định : " Thủ tục hành chính là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức."

Trong thủ tục hành chính có chủ thể thực hiện thủ tục hành chính và chủ thể tham gia thủ tục hành chính. Chủ thể thực hiện thủ tục hành chính là chủ thể có thẩm quyền nhân danh Nhà nước tiến hành các thủ tục hành chính bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức và những người có thẩm quyền. Chủ thể tham gia thủ tục hành chính có thể là cơ quan, tổ chức hoặc công dân.

Mỗi hoạt động quản lý theo cách nói thông thường (ví dụ, hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hoạt động cấp giấy phép, hoạt động xử phạt vi phạm hành chính...) thực chất là chuỗi những hoạt động diễn ra theo trình tự nhất định mà mỗi hoạt động cụ thể trong đó có thể được thực hiện bởi những chủ thể khác nhau, ở những thời điểm khác nhau, với nội dung và nhằm những mục đích khác nhau. Kết quả của hoạt động quản lý phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó phụ thuộc một phần đáng kể vào số lượng, thứ tự các hoạt động cụ thể, mục đích, nội dung, cách thức tiến hành các hoạt động cụ thể trong một chuỗi hoạt động thống nhất, tức là phụ thuộc vào thủ tục tiến hành các hoạt động quản lý. Thủ tục đóng vai trò quan trọng trong việc điều hành bộ máy nhà nước cũng như bảo đảm quyền và lợi ích của thủ tục hành chính là tổng thể các quy phạm pháp luật xác định các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia vào các quan hệ xã hội do luật hành chính xác lập nhằm thực hiện các quy phạm vật chất của luật hành chính. Thực ra thủ tục hành chính do quy phạm pháp luật hành chính quy định nên thủ tục hành chính chính là nội dung của nhóm quy phạm pháp luật hành chính (thường gọi là quy phạm thủ tục) chứ thủ tục không phải là quy phạm pháp luật

b. Đặc điểm của thủ tục hành chính:

Khác biệt với thủ tục lập pháp và thủ tục tổ tụng tư pháp, thủ tục hành chính có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, thủ tục hành chính được điều chỉnh bằng quy phạm thủ tục – là cơ sở pháp lý cho các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng của mình.

Thủ tục hành chính là một bộ phận cấu thành của hệ thống quy phạm thủ tục. Hệ thống quy phạm thủ tục là toàn bộ các quy tắc pháp lý quy định về trình tự, trật tự thực hiện thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết công việc công việc nhà nước và thực hiện nghĩa vụ hành chính đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức và công dân. Đó cũng chính là các hệ thống các nguyên tắc quản lý và điều hành bắt buộc các cơ quan nhà nước cũng như các công chức phải tuân theo trong giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Là quy phạm thủ tục, thủ tục hành chính có chức năng làm cho các quy phạm nội dung của luật pháp được thực hiện thuận lợi. Thiếu thủ tục hành chính việc thực thi luật pháp sẽ gặp khó khăn, thậm chí không có khả năng đi vào đời sống thực tế. Ví dụ: Nhà nước muốn thu thuế thì cần có thủ tục để người dân thực hiện việc nộp thuế. Còn muốn quản lý an toàn giao thông thì cần có thủ tục để hướng dẫn người dân tham gia giao thông tuân theo, v.v.

Hoạt động quản lý chủ yếu là hoạt động áp dụng pháp luật mà ở đó, hành vi áp dụng pháp luật liên quan chủ yếu đến việc xác định tình trạng thực tế của vụ việc, lựa chọn quy phạm pháp luật tương ứng và ra quyết định về vụ việc đó. Các hành vi áp dụng pháp luật này được tiến hành theo những thủ tục hành chính nhất định. Như vậy nếu thiếu các thủ tục cần thiết thì quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia trọng hoạt động quản lý sẽ không được đảm bảo thực hiện. Thủ tục hành chính là một nhân tố bảo đảm cho sự hoạt động chặt chẽ, thuận lợi và đúng chức năng quản lý của cơ quan nhà nước, vì nó là chuẩn mực hành vi cho công dân và công chức nhà nước để họ tuân theo và thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nhà nước. Dựa vào các thủ tục hành chính các công việc hành chính sẽ được xử lý và đạt được những hiệu quả pháp luật đúng như dự định.

Thứ hai, thủ tục hành chính là trình tự thực hiện thẩm quyền trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

Xét trong quá trình giải quyết công việc của các cơ quan hành chính nhà nước thì thủ tục hành chính là cách thức, trình tự mà các cơ quan hành chính nhà nước áp dụng để giải quyết các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Trình tự này có thể từ dưới lên, từ cấp trên xuống mà cũng có những trình tự thực hiện song hành.

Nói như vậy có nghĩa là thủ tục hành chính được phân biệt với thủ tục lập pháp và thủ tục tổ tụng tư pháp.

Thủ tục lập pháp là trình tự, cách thức xây dựng Hiến pháp và ban hành luật thuộc thẩm quyền của cơ quan lập pháp; thủ tục tổ tụng tư pháp thuộc thẩm quyền của cơ quan tư pháp liên quan đến những hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, định tội.

Thứ ba, thủ tục hành chính rất đa dạng và phức tạp. Tính đa dạng phức tạp được biểu hiện như sau:

- + Do nhiều cơ quan và công chức nhà nước thực hiện;
- + Quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia mối quan hệ hành chính,

trong đó bao gồm cả công việc của Nhà nước và công dân;

+ Việc quy định thủ tục hành chính phải kết hợp với những khuôn mẫu ổn định tương đối và chặt chẽ với các biện pháp thích ứng cho từng loại công việc và từng loại đối tượng;

+ Nền hành chính nhà nước hiện nay đang chuyển từ hành chính cai quản sang hành chính phục vụ đã tác động mạnh mẽ vào thủ tục hành chính;

+ Thực hiện chủ yếu ở công sở nhà nước, gắn liền với công tác văn thư và tổ chức ban hành, quản lý văn bản, giấy tờ;

+ Do chủ thể cơ quan hành chính nhà nước xây dựng để giải quyết công việc nên phụ thuộc rất nhiều vào ý chí chủ quan của chủ thể ban hành.

+ Trong bối cảnh của quá trình hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay, các thủ tục hành chính có yếu tố nước ngoài cần phải phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ tư, thủ tục hành chính có tính năng động hơn so với các quy phạm nội dung của luật hành chính, đòi hỏi phải thay đổi nhanh hơn để thích ứng và phù hợp với nhu cầu thực tế của đời sống xã hội.

Đây chính là yếu tố cần nhận thức đúng đắn giúp cho các nhà ban hành các quy định thủ tục hành chính ban hành các quy định phù hợp với thực tế khách quan và tiến trình phát triển kinh tế xã hội.

2. Các nguyên tắc của thủ tục hành chính

Muốn quản lý hành chính nhà nước có hiệu quả, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước cần thực hiện đầy đủ các yêu cầu mang tính nguyên tắc như sau:

**Nguyên tắc thẩm quyền*

Nguyên tắc này thể hiện rõ nhất trong thủ tục hành chính. Theo đó, chỉ có cơ quan nhà nước, công chức nhà nước có thẩm quyền do pháp luật quy định mới được thực hiện các thủ tục hành chính nhất định và phải thực hiện đúng trình tự với những phương tiện, biện pháp và hình thức được pháp luật cho phép. Chính các cơ quan nhà nước đề ra các thủ tục để giải quyết công việc trên nguyên tắc phù hợp với chức năng quản lý được giao và theo thẩm quyền do pháp luật quy định, do đó cũng có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục được ban hành. Nghĩa vụ thực hiện thủ tục hành chính đòi hỏi cần có những quy định rõ ràng về chế độ công vụ và quy chế làm việc để tránh tình trạng vô trách nhiệm trong công tác, nhằm giảm bớt phiền hà cho người dân trong quá trình giải quyết công việc có liên quan đến công dân. Nhà nước phải quy rõ trách nhiệm của các cán bộ, công chức trong việc tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu kiện của nhân dân, để đảm bảo yêu cầu không đùn đẩy trách nhiệm từ cơ quan, đơn vị, cá nhân này sang cơ quan, đơn vị, cá nhân khác.

“Những công việc đã có đủ hồ sơ, thủ tục, thì cơ quan có thẩm quyền phải giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật, không được trì hoãn dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả trường hợp không giải quyết được cũng phải nói rõ lý do để dân biết. Nếu hồ sơ thủ tục chưa đầy đủ, thì phải hướng dẫn cụ thể để đương sự không phải đi lại nhiều lần. Những công việc liên quan đến nhiều bộ phận trong cơ quan thì thủ trưởng cơ quan phải đề ra quy chế phối hợp giải quyết trong nội bộ cơ quan để công dân, tổ chức có yêu cầu làm đầu mối tiếp xúc, nhận hồ sơ và giải quyết công việc” (*Quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ*).

Nguyên tắc thẩm quyền còn liên quan đến nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền: Các quyết định ban hành không đúng thủ tục phải bị đình chỉ, sửa đổi hoặc bãi bỏ và cơ quan, người ban hành quyết định đó có thể bị truy cứu trách nhiệm.

- Nguyên tắc chính xác, khách quan, công minh

Trong thực hiện thủ tục hành chính, các chủ thể thực hiện thủ tục phải đảm bảo chính xác, khách quan và công minh. Các chủ thể thực hiện thủ tục phải có đủ tài liệu, chứng cứ và có thẩm quyền đòi hỏi việc giải trình, cung cấp thông tin áp dụng các biện pháp cần thiết. Các cá nhân, tổ chức hữu quan tham gia thủ tục hành chính phải có trách nhiệm cung cấp thông tin, tư liệu cần thiết để các chủ thể thực hiện tiến hành thủ tục hành chính giải quyết công việc được thuận lợi

- Nguyên tắc công khai hóa thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính phải được công khai hóa để nhân dân biết và được tiến hành công khai theo luật định, trừ trường hợp pháp luật quy định phải bí mật theo quy định chung hoặc theo đề nghị của các bên tham gia thủ tục.

“Tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ, giấy tờ, đơn thư và giải quyết công việc của dân phải niêm yết công khai các quy định, thủ tục giải quyết từng loại công việc. Nếu có quy định về phí, lệ phí thì cũng phải được niêm yết công khai” (*Nghị quyết của Chính phủ số 38-CP ngày 04-05-1994*).

- Nguyên tắc các bên tham gia thủ tục hành chính phải bình đẳng trước pháp luật

Đây là yêu cầu đối với các cơ quan nhà nước phải quan tâm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức khi đề nghị của họ có đủ điều kiện do luật định và phải ra lệnh đối với các bên hữu quan để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia được thực hiện đầy đủ:

“Người yêu cầu giải quyết công việc có quyền khiếu nại, tố cáo với thủ trưởng phụ trách trực tiếp, với thủ trưởng cơ quan cấp trên hoặc kiện trước tòa án những việc làm sai trái, gây phiền hà của công chức nhà nước như không đúng thủ tục, có thái độ cửa quyền, sách nhiễu khi giải quyết công việc. Người đứng đầu tổ chức được giao nhiệm vụ giải quyết công việc và cá nhân công chức trực tiếp giải quyết công việc nếu vi phạm đều bị xử lý kỷ luật kịp thời, nghiêm minh” (*Nghị quyết của Chính phủ số 38-CP ngày 04-05-1994*).

- Nguyên tắc đơn giản, tiết kiệm

Thủ tục hành chính được thực hiện đơn giản, tiết kiệm. Trước hết, các thủ tục hành chính cần giảm bớt các cấp, các cửa, các giai đoạn, tăng quyền đồng thời với trách nhiệm của các cơ quan thực hiện thủ tục. Theo đó giảm bớt mức tối thiểu và trong nhiều thủ tục bỏ hẳn các loại phí, lệ phí đối với công dân và tổ chức. Theo nguyên tắc này, việc thực hiện thủ tục hành chính sẽ đáp ứng nhanh chóng yêu cầu của nhân dân, song cũng phải tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước.

3. Các yêu cầu của việc cải cách thủ tục hành chính

Hiện nay có thể nói rằng Nhà nước và pháp luật đang dần dần có những quy định và hướng đi mới để cải cách hành chính có thể hiểu là một quá trình thay đổi cơ bản, lâu dài, liên tục bao gồm cơ cấu của quyền lực hành pháp và tất cả các hoạt động

có ý thức của bộ máy nhà nước nhằm đạt được sự hợp tác giữa các bộ phận và các cá nhân vì mục đích chung của cộng đồng và phối hợp các nguồn lực để tạo ra hiệu lực và hiệu quả quản lý và chất lượng các sản phẩm (dịch vụ hoặc hàng hoá) phục vụ nhân dân thông qua các phương thức tổ chức và thực hiện quyền lực.

Nếu như nói như vậy thì cải cách hành chính chính là những thay đổi được thiết kế có chủ định nhằm cải tiến theo hướng hiện đại và tiên tiến hơn cho phù hợp với xã hội một cách cơ bản các khâu trong hoạt động quản lý của bộ máy nhà nước từ việc: lập kế hoạch và định thể chế; tổ chức; công tác cán bộ; tài chính; chỉ huy; phối hợp; kiểm tra; thông tin; và đánh giá.

Như vậy có thể căn cứ dựa trên các định nghĩa như trên và cách nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau có thể tổng kết lại như sau: Cải cách hành chính là quá trình cải biến có kế hoạch cụ thể để đạt mục tiêu hoàn thiện một hay một số nội dung của nền hành chính nhà nước (thể chế, cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức...) nhằm xây dựng nền hành chính công đáp ứng yêu cầu của một nền hành chính hiệu lực, hiệu quả và hiện đại.

Chính phủ chọn cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hành chính bởi các lý do sau đây:

– Thứ nhất, Cần phải cải cách thủ tục hành chính là vì đây là nội dung chính của thực hiện các thủ tục, nội dung phản ánh rõ nhất mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, đồng thời là nội dung có nhiều bức xúc nhất của người dân, doanh nghiệp, cũng như có nhiều yêu cầu đổi mới trong quá trình hội nhập kinh tế.

– Thứ hai, cần phải cải cách thủ tục hành chính căn cứ dựa trên các điều kiện về nguồn lực còn nhiều khó khăn nên chưa thể cùng một lúc thực hiện được nhiều nội dung cải cách như: cải cách tài chính công, cải cách tiền lương, cải cách tổ chức bộ máy... thì việc lựa chọn khâu cải cách thủ tục hành chính sẽ mang lại hiệu quả thiết thực nhất.

– Thứ ba, cần phải cải cách thủ tục hành chính thay vì từ việc cải cách thủ tục hành chính, chúng ta có thể xác định căn bản các công việc của cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp; qua đó chúng ta có thể xây dựng bộ máy phù hợp và từ đó có thể lựa chọn đội ngũ cán bộ, công chức hợp lý, đáp ứng được yêu cầu công việc.

– Thứ tư, Một lí do hết sức quan trọng của hoạt động cải cách thủ tục hành chính là tiền đề để thực hiện các nội dung cải cách khác như: nâng cao chất lượng thể chế; nâng cao trình độ, thay đổi thói quen, cách làm, nếp nghĩ của cán bộ, công chức; phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp của bộ máy hành chính; thực hiện chính phủ điện tử, ...

– Thứ năm, Ngoài các lí do trên thì việc cải cách thủ tục hành chính cũng đóng vai trò để có tác động to lớn đối với việc thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Thông qua việc cải cách thủ tục hành chính sẽ gỡ bỏ những rào cản về thủ tục hành chính đối với môi trường kinh doanh và đời sống của người dân, giúp cắt giảm chi phí và rủi ro của người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

– Thứ sáu, thông qua các lí do trên ta càng thấy cần phải thực hiện việc đơn giản hóa thủ tục hành chính vì điều này sẽ góp phần nâng cao hình ảnh của Việt Nam nói chung và các bộ, ngành, địa phương nói riêng trước cộng đồng trong nước và quốc tế, nâng cao vị trí xếp hạng của Việt Nam cũng như của các địa phương về tính minh

bach, môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Đây là những giá trị vô hình nhưng có tác động to lớn đến việc phát triển kinh tế – xã hội của đất nước cụ thể là có ảnh hưởng tích cực đến việc đầu tư trong và ngoài nước, xuất nhập khẩu, việc làm, an sinh xã hội...

BÀI TẬP :

Câu 1. Nghị định 15 CP năm 2014 có quy định biện pháp phạt bổ sung đối với một số vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông là : tạm giữ xe đến 15 ngày. Nếu nhận xét của anh/chị về tính hợp pháp của quy định đó trong tương quan với hệ thống văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

– Đây là một quyết định không hợp pháp, bởi vì:

+ Nội dung của Nghị định chưa cụ thể, rõ ràng, chỉ quy định biện pháp phạt bổ sung đối với một số vi phạm mà chưa đặt ra được những QPPL hành chính mới. Chưa quy định rõ chủ thể nào được quyền xử phạt (tạm giữ xe đến hết 15 ngày); chưa ghi rõ căn cứ pháp lý và thực tế để xử phạt

+ Bên cạnh đó, đã có Nghị định 34/2010/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông và một số văn bản xử lý VPHC khác, do đó, Nghị định này là không cần thiết, vừa không hợp pháp, vừa không hợp lý.

Câu 2. Bà Lê Thị Q là công chức địa chính công tác tại UBND xã X. Bà Q đã có hành vi vi phạm pháp luật khi thực hiện công vụ được giao, nên cách đây 6 tháng, đã bị kỷ luật ở hình thức hạ một bậc lương. Nay bà Q lại tái phạm nên đã bị Chủ tịch UBND xã X kỷ luật ở hình thức hạ ngạch. Việc kỷ luật như trên đúng hay sai? Tại sao?

– Sai. Theo khoản 1 Điều 79 Luật cán bộ, công chức 2008 thì không có hình thức hạ ngạch.

Điều 79. Các hình thức kỷ luật đối với công chức Công chức vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức; đ) Cách chức;
- e) Buộc thôi việc.

Hơn nữa, Chủ tịch xã không có quyền hạ ngạch. Về nguyên tắc, ai có quyền nâng ngạch thì người đó mới có quyền hạ ngạch

Câu 3. Thực hiện kế hoạch thanh tra định kỳ, đoàn thanh tra tỉnh H do Chánh thanh tra tỉnh làm trưởng đoàn đã về thanh tra tại UBND huyện Y. Trong quá trình thanh tra, xét thấy Chủ tịch UBND huyện Y có nhiều hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích nhà nước, cản trở quá trình thanh tra nên đã quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch UBND huyện Y. Việc ban hành quyết định trên của Trưởng

đoàn thanh tra tỉnh là đúng hay sai? Tại sao?

– Không đúng.

Đoàn thanh tra chỉ là cơ quan giúp việc cho thanh tra tỉnh nên không có quyền ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác

CHƯƠNG 9: VI PHẠM PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Giới thiệu: Vi phạm hành chính là một trong những dạng vi phạm phổ biến bậc nhất trong các vi phạm pháp luật nói chung. Ranh giới giữa vi phạm hành chính và vi phạm pháp luật hình sự khá mong manh nên cần tìm hiểu về nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính với các đối tượng vi phạm pháp luật khác

Mục tiêu:

- *Nắm bắt vi phạm, trách nhiệm, các hình thức xử lý*

Nội dung chính:

1. Vi phạm pháp luật hành chính

Xã hội vận động và phát triển luôn tiềm ẩn và tồn tại những vi phạm pháp luật nói chung, vi phạm pháp luật hành chính nói riêng. Các vi phạm pháp luật trong xã hội rất đa dạng xuất phát từ hành vi do con người thực hiện trái với các quy định của pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, hành vi trái pháp luật đó chứa đựng lỗi của chủ thể thực hiện. Theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của mỗi loại vi phạm này và đối tượng điều chỉnh của mỗi đạo luật trong hệ thống pháp luật, có thể chia các vi phạm pháp luật thành các loại vi phạm khác nhau, như: vi phạm pháp luật hình sự, vi phạm pháp luật hành chính, vi phạm pháp luật dân sự,... trong đó, vi phạm pháp luật hình sự là hành vi có tính chất nguy hiểm nhất cho xã hội, những vi phạm pháp luật hành chính là một loại vi phạm xảy ra khá phổ biến trong đời sống xã hội, rất đa dạng, phong phú trong hầu hết các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Thuật ngữ “vi phạm hành chính” được luật định khá sớm, lần đầu được quy định tại Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 1989:

Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm các quy tắc quản lý hành chính nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính định thể nào là vi phạm hành chính.

Năm 2012 với việc Quốc hội thông qua Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 vi phạm hành chính được hiểu là: “Hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính”

Tại cuốn Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam do tác giả Nguyễn Cửu Việt chủ biên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2013 đã đưa ra khái niệm vi phạm hành chính với cách tiếp cận rộng và phù hợp với khoa học

hơn. Theo đó: Vi phạm hành chính được hiểu là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật, có lỗi (cố ý hoặc vô ý) do cá nhân có năng lực trách nhiệm hành vi hành chính hoặc tổ chức thực hiện, xâm phạm trật tự quản lý nhà nước và xã hội, trật tự quản lý, sở hữu của Nhà nước, tổ chức và c

á nhân, xâm phạm các quyền, tự do và lợi ích hợp pháp của con người, của công dân mà theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành

chính .

Tại cuốn Giáo trình Luật hành chính Việt Nam do các tác giả Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà nhấn mạnh sự cần thiết của việc phải xây dựng được khái niệm vi phạm hành chính một cách chính xác và khoa học.

Tác giả đã hệ thống lại những vấn đề có liên quan đến khái niệm vi phạm hành chính được thể hiện trong các văn bản pháp luật của nước ta (từ Điều lệ xử phạt vi cảnh ban hành theo Nghị định số 143/CP ngày 27/05/1977 của Hội đồng Chính phủ cho đến Luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành); trên cơ sở đó, tác giả đã kết luận: “có thể thấy định nghĩa về vi phạm hành chính trong các Pháp lệnh về xử phạt/ xử lý vi phạm hành chính 1989, 1995, 2002 và Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 khác nhau về ngôn ngữ thể hiện những giống nhau về bản chất”, sau đó tác giả dẫn lại khái niệm vi phạm hành chính đã được trình bày tại Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam như sau: Vi phạm hành chính là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái

pháp luật, có lỗi (có ý hoặc vô ý) do cá nhân có năng lực trách nhiệm hành vi hành chính hoặc tổ chức thực hiện, xâm phạm trật tự quản lý nhà nước và xã hội, trật tự quản lý, sở hữu của Nhà nước, tổ chức và cá nhân, xâm

phạm các quyền, tự do và lợi ích hợp pháp của con người, của công dân mà theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.

Chủ thể thực hiện vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm hành chính – là hậu quả của vi phạm hành chính, thể hiện ở sự áp dụng bởi cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền những chế tài pháp luật hành chính đối với chủ thể vi phạm hành chính theo thủ tục do luật hành chính quy định. Đó là sự phản ứng tiêu cực của Nhà nước đối với người thực hiện vi phạm hành chính, kết quả là chủ thể thực hiện vi phạm hành chính phải gánh chịu những hậu quả bất lợi, thiệt hại về vật chất và tinh thần so với tình trạng ban đầu của họ.

Theo lý luận về trách nhiệm hành chính thì có hai nhóm biện pháp trách nhiệm hành chính là các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khôi phục các quyền và lợi ích đã bị vi phạm hành chính xâm hại. Khái niệm “xử phạt vi phạm hành chính” được giải thích dưới góc độ pháp lý theo Luật xử lý vi phạm hành chính là “là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.”

2. Trách nhiệm hành chính

Trách nhiệm thi hành nghĩa vụ do pháp luật hành chính quy định là trách nhiệm mà chủ thể phải:

- 1) Hành động phù hợp với những yêu cầu của pháp luật hành chính;
- 2) Chịu những hậu quả của việc không thực hiện hay thực hiện không đúng các nghĩa vụ của mình.

Trách nhiệm phát sinh do vi phạm nghĩa vụ hành chính là nghĩa vụ của chủ thể phải gánh chịu những hậu quả của việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng

những yêu cầu của pháp luật hành chính, trở thành đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhà nước và bằng hành động của mình đền bù thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra.

Trách nhiệm hành chính phát sinh do vi phạm nghĩa vụ có những đặc điểm sau:

- 1) Là loại trách nhiệm có tính phái sinh;
- 2) Trách nhiệm hành chính là trách nhiệm trước Nhà nước;
- 3) Trách nhiệm hành chính do Nhà nước áp dụng thông qua cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền;
- 4) Trách nhiệm hành chính được xác định trên cơ sở quy phạm pháp luật hành chính;
- 5) Trách nhiệm hành chính có mức độ ít nghiêm khắc hơn so với trách nhiệm hình sự.

Trách nhiệm pháp lí hành chính gồm khiển trách, cảnh cáo, phạt tiền, cách chức, buộc thôi việc..

3.Các hình thức xử lý vi phạm hành chính

Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính bao gồm 5 nguyên tắc được quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Cảnh cáo

Điều 22 quy định Hình thức phạt cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

Phạt tiền

Hình thức phạt tiền được quy định tại Điều 23 và 24 như sau:

– Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1 tỷ đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2 tỷ đồng đối với tổ chức. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực thuế; đo lường; sở hữu trí tuệ; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chứng khoán; hạn chế cạnh tranh theo quy định tại các luật tương ứng.

– Đối với khu vực nội thành của thành phố trực thuộc trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội.

– Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

– Đối từng lĩnh vực cụ thể có mức tiền phạt tối đa khác nhau.

Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn

– Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

– Đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

+ Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;

+ Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

– Thời hạn xử phạt từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính

Đây là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức.

Trục xuất

Trục xuất là hình thức xử phạt buộc người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính tại Việt Nam phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Lưu ý:

– Hình thức xử phạt cảnh cáo và phạt tiền chỉ được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính.

– Ba hình thức xử phạt còn lại có thể được quy định là hình thức xử phạt bổ sung hoặc hình thức xử phạt chính.

– Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

BÀI TẬP : Khi xét xử hành chính, toà án có thể ban hành quyết định thay cho quyết định hành chính hay không? Tại sao?

– Tòa án không thể ban hành quyết định hành chính.

– Trên nguyên tắc, trong quá trình xét xử, Tòa án phát hiện và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của QH, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức

CHƯƠNG 10 : NHỮNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ VÀ KỶ LUẬT TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Mã chương/mã chương:

Giới thiệu: Nói đến pháp chế là nói đến sự triệt để tôn trọng pháp luật và thực hiện pháp luật của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của quản lý hành chính Nhà nước. Và, pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước được hiểu là trật tự pháp luật nhằm bảo vệ và phát triển quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, củng cố và duy trì địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội.

Mục tiêu:

- *Nắm bắt khái niệm, các nguyên tắc và các hình thức bảo đảm pháp chế*

Nội dung chính:

1. Khái niệm pháp chế và kỷ luật Nhà nước

a. Khái niệm pháp chế Nhà nước:

Theo như hệ thống pháp luật và đời sống thực tiễn của pháp luật thì pháp chế được xác định bao gồm hệ thống pháp luật và việc thực hiện pháp luật trong cuộc sống.

Do đó, một trật tự pháp luật hay một chế độ thì trong đó tất cả các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật một cách nghiêm chỉnh, triệt để và chính xác thì được xác định là pháp chế. Những biểu thị quá trình tạo lập nên pháp luật được xem là pháp chế. Mặc dù pháp chế và pháp luật được nhận định là có mối quan hệ đồng nhất với nhau nhưng giữ chúng lại không có sự đồng nhất. Tại vì đối với các chủ thể pháp luật thì pháp chế thể hiện sự đòi hỏi và những yêu cầu phải triệt để tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội.

Pháp chế được biết đến là những thể chế pháp luật được xác lập trong toàn bộ đời sống xã hội từ các thiết chế, quan hệ xã hội, hoạt động, sinh hoạt của mọi chủ thể pháp luật trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đến các tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước theo như quy định.

Pháp chế có thể coi là tình trạng xã hội áp dụng các quy tắc đó trong thực tiễn.

Theo như quy định của pháp luật thì người làm công tác pháp chế bao gồm:

– Thứ nhất, Công chức pháp chế được tuyển dụng, bổ nhiệm vào tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

– Thứ hai, cán bộ pháp chế được điều động, tuyển dụng vào tổ chức pháp chế ở các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân.

– Thứ ba, là những viên chức pháp chế được tuyển dụng, bổ nhiệm vào tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập.

– Thứ tư, là những nhân viên pháp chế được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng lao động vào tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước.

Như vậy, có thể thấy những chủ thể là công chức, cán bộ, viên chức và công nhân được quy định ở trên thì đều là người công tác tư pháp theo như quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

b. Khái niệm kỷ luật nhà nước:

Trong thực tiễn chúng ta hẳn từng nghe về kỷ luật Đảng viên, kỷ luật quân đội, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, kỷ luật lao động, kỷ luật học sinh, sinh viên hay kỷ luật bản thân... tùy vào phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh của kỷ luật mà tên gọi của nó cũng khác nhau.

Song hiểu một cách chung nhất thì "kỷ luật" là những quy tắc được xây dựng trên cơ sở quy định pháp luật, đạo đức xã hội, do cơ quan, tổ chức đặt ra tạo khuôn khổ ứng xử chung trong một tập thể để duy trì sự ổn định, trật tự nhằm đạt hiệu quả tốt nhất trong quản lý, công tác, lao động, rèn luyện.

Kỷ luật cũng có thể do cá nhân tự đặt ra cho chính bản thân mình nhằm mục đích tạo những nguyên tắc rèn luyện, sinh hoạt, học tập của bản thân hướng tới mục tiêu đặt ra.

2. Các nguyên tắc của hoạt động bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong quản lý Nhà nước

a. Các nguyên tắc của hoạt động bảo đảm pháp chế trong quản lý nhà nước

Nói đến pháp chế là nói đến sự triệt để tôn trọng pháp luật và thực hiện pháp luật của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của quản lý hành chính Nhà nước. Và, pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước được hiểu là trật tự pháp luật nhằm bảo vệ và phát triển quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, củng cố và duy trì địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội.

Đảm bảo pháp chế là tổng thể các biện pháp, phương tiện có tính tổ chức – pháp lý do các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân áp dụng nhằm thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức ấy cũng như việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân.

Đảm bảo pháp chế được hiểu như là những điều kiện, những phương tiện và những khả năng hiện thực trên thực tế đối với pháp luật hiện hành nhằm xây dựng và củng cố chính quyền của dân, do dân, vì dân, bảo vệ các quyền và nghĩa vụ của công dân trên tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước suy cho cùng là hoạt động thực thi pháp luật ngày càng có hiệu quả trong thực tế. Yêu cầu bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước là:

– Các yêu cầu chung:

+ Đảm bảo về chính trị: Đường lối và cương lĩnh của Đảng cộng sản Việt Nam phải thể hiện sự tiên phong, định hướng trong hoạt động xây dựng pháp luật. Pháp chế chỉ có thể đạt được nếu chúng ta có nền tảng chính trị ổn định.

+ Đảm bảo về kinh tế: Nền kinh tế phải ổn định và phát triển.

+ Đảm bảo về pháp lý: Pháp chế sẽ chỉ được bảo đảm khi pháp luật tốt. Nghĩa là hệ thống pháp luật đó đảm bảo thống nhất, đồng bộ;

Nói đến pháp chế là nói đến sự triệt để tôn trọng pháp luật và thực hiện pháp luật của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân.

Nói đến pháp chế là nói đến sự triệt để tôn trọng pháp luật và thực hiện pháp luật của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của quản lý hành chính Nhà nước. Và, pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước được hiểu là trật tự pháp luật nhằm bảo vệ và phát triển quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, củng cố và duy trì địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội.

Đảm bảo pháp chế là tổng thể các biện pháp, phương tiện có tính tổ chức – pháp lý do các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân áp dụng nhằm thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức ấy cũng như việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân.

Đảm bảo pháp chế được hiểu như là những điều kiện, những phương tiện và những khả năng hiện thực trên thực tế đối với pháp luật hiện hành nhằm xây dựng và củng cố chính quyền của dân, do dân, vì dân, bảo vệ các quyền và nghĩa vụ của công dân trên tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước suy cho cùng là hoạt động thực thi pháp luật ngày càng có hiệu quả trong thực tế. Yêu cầu bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước là:

– Các yêu cầu chung:

+ Đảm bảo về chính trị: Đường lối và cương lĩnh của Đảng cộng sản Việt Nam phải thể hiện sự tiên phong, định hướng trong hoạt động xây dựng pháp luật. Pháp chế chỉ có thể đạt được nếu chúng ta có nền tảng chính trị ổn định.

+ Đảm bảo về kinh tế: Nền kinh tế phải ổn định và phát triển.

+ Đảm bảo về pháp lý: Pháp chế sẽ chỉ được bảo đảm khi pháp luật tốt. Nghĩa là hệ thống pháp luật đó đảm bảo thống nhất, đồng bộ;

– Các yêu cầu cụ thể:

+ Hoạt động đảm bảo pháp chế phải diễn ra trên cơ sở các quy định của pháp luật.

+ Hoạt động đảm bảo phải thực hiện một cách thường xuyên, tránh tình trạng có vi phạm mới thực hiện. Như vậy, vừa nhằm mục đích ngăn chặn các vi phạm, các thiếu sót, xử lý và khắc phục các thiếu sót trong quản lý hành chính.

+ Các biện pháp bảo đảm pháp chế phải được phối hợp với nhau vì mỗi biện pháp chỉ tác động tới một đối tượng nhất định trong một thời hạn nhất định.

Để bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước thì cần phải có các phương thức, biện pháp đảm bảo. Đó chính là các hình thức thực hiện chức năng, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân. Các biện pháp pháp lý đảm bảo pháp chế trong quản lý hành chính Nhà nước bao gồm:

+ Hoạt động giám sát của cơ quan quyền lực Nhà nước.

+ Hoạt động kiểm tra của các cơ quan hành chính Nhà nước.

+ Hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân.

- + Hoạt động của Thanh tra Nhà nước và Thanh tra nhân dân.
- + Hoạt động kiểm tra của các tổ chức xã hội (kiểm tra xã hội).
- + Hoạt động khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c. Các nguyên tắc tổ chức – kỹ luật trong quản lý nhà nước

Nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa giới hành chính.

Ngành là một phạm trù chỉ tổng thể những đơn vị, tổ chức sản xuất, kinh doanh có cùng một cơ cấu kinh tế-kỹ thuật hay các tổ chức, đơn vị hoạt động với cùng một mục đích giống nhau. Có sự phân chia các hoạt động theo ngành tất yếu dẫn đến việc thực hiện hoạt động quản lý theo ngành.

Quản lý theo địa giới hành chính là quản lý trên một phạm vi địa bàn nhất định theo sự phân vạch địa giới hành chính của nhà nước. Quản lý theo địa giới hành chính ở nước ta được thực hiện ở bốn cấp:

- Cấp Trung ương (cấp nhà nước)
- Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Xã, phường, thị trấn.

Nội dung của hoạt động quản lý theo địa giới hành chính gồm đề ra các chủ trương, chính sách, có quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trên một phạm vi toàn lãnh thổ. Bắt đầu từ qui hoạch xây dựng và quản lý kết cấu hạ tầng cho sản xuất, đời sống dân cư sống và làm việc trên lãnh thổ. Tiếp đó, có sự tổ chức điều hòa phối hợp sự hợp tác, quản lý thống nhất về khoa học công nghệ, liên kết, liên doanh các đơn vị kinh tế, văn hóa, xã hội trên lãnh thổ

+ Xây dựng qui hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trên lãnh thổ, nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế có hiệu quả từ trung ương tới địa phương.

+ Qui hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng cho sản xuất và đời sống dân cư sống và làm việc trên một địa giới hành chính. Đầu tư kinh tế luôn được khuyến khích và chú ý trong quá trình lập dự án hạ tầng. Tuy nhiên, phải có kế hoạch và định hướng, tránh tình trạng “đầu tư đi trước, qui hoạch theo sau”, làm sự phát triển và an cư bị xáo trộn, gây mất cân bằng trong quản lý kinh tế-xã hội.

+ Tổ chức điều hòa, phối hợp, hợp tác liên doanh giữa các đơn vị kinh tế trực thuộc Trung ương về những mặt có liên quan đến kinh tế- xã hội trên địa bàn lãnh thổ; bảo đảm cho các điều kiện ở địa phương phục vụ cho phương hướng phát triển của trung ương, và đa dạng hoá các khả năng, ngành nghề phát triển.

+ Tổ chức, chăm lo đời sống nhân dân trên một địa bàn lãnh thổ, không kể các nhân, tổ chức đó do Trung ương hay địa phương quản lý. Mặt khác, bảo đảm sự chấp hành pháp luật chính sách của địa phương, không trái với Trung ương.

Sự kết hợp quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo chức năng

Khi thực hiện hoạt động quản lý ngành đòi hỏi các chủ thể quản lý phải thực hiện rất nhiều việc chuyên môn khác nhau như lập quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành, quản lý thực hiện các khoản thu chi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện pháp luật...Do khối lượng công việc quản lý ngày càng nhiều và mang tính chất phức tạp

nên đòi hỏi tính chuyên môn hóa cao, vì thế nhu cầu quản lý theo chức năng luôn được đặt ra.

Quản lý theo chức năng là quản lý theo từng lĩnh vực chuyên môn nhất định của hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Cơ quan quản lý theo chức năng là cơ quan quản lý một lĩnh vực chuyên môn hay một nhóm các lĩnh vực chuyên môn có liên quan với nhau.

Quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo chức năng nhằm đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả từng chức năng quản lý riêng biệt của các đơn vị, tổ chức trong ngành, đồng thời bảo đảm mối quan hệ liên ngành, làm cho toàn bộ hoạt động của hệ thống ngành được phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả.

Các cơ quan quản lý theo chức năng có quyền ban hành các quy phạm pháp luật, các mệnh lệnh cụ thể liên quan đến chức năng quản lý của mình theo quy định của pháp luật, có tính chất bắt buộc thực hiện đối với các cơ quan quản lý chuyên ngành.

Các cơ quan quản lý theo chức năng kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chủ trương do mình đề ra, xử lý hay đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm các chính sách, chủ trương đó theo quy định của pháp luật.

Phân định chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh.

Theo Điều 15 Hiến pháp 1992, nền kinh tế nước ta là “nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa“. Liên quan đến chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, có các vấn đề sau:

Các cơ quan nhà nước định ra chiến lược, qui hoạch và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và cơ chế quản lý có cơ sở pháp lý ổn định vững chắc. Các tổ chức kinh doanh có nhiệm vụ chấp hành và cụ thể hoá chiến lược và kế hoạch kinh tế- xã hội của nhà nước, thực hiện cơ chế kinh doanh, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước, chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Nhà nước có chức năng tổ chức và điều chỉnh nền kinh tế quốc dân bằng những biện pháp vĩ mô: thông qua các biện pháp kinh tế, hành chính, tạo khung cho cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất kinh doanh. Các tổ chức kinh doanh trực tiếp thực hiện kinh doanh như: xây dựng, vận tải, ngân hàng... trong phạm vi vĩ mô, nhằm tạo nhiều của cải vật chất thiết yếu cho xã hội, tránh sự độc quyền của tư nhân, có thể ảnh hưởng không tốt đến nền kinh tế quốc dân.

Việc quản lý trong hành lang pháp lý chặt chẽ thông qua các cơ quan quản lý hành chính nhà nước sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế thuận lợi, thông thoáng, tự chủ và đạt hiệu quả cao

3. Các hình thức bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước

a. Các hình thức bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước:

Các yêu cầu đối với việc đảm bảo pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước được thể hiện dưới một vài phương diện sau:

– Hoạt động của các cơ quan Nhà nước phải phù hợp với mục đích, nội dung và yêu cầu của văn bản quy phạm pháp luật. Nếu vi phạm sẽ dẫn đến hoạt động tùy tiện, không thống nhất, chủ quan duy ý chí của các chủ thể có thẩm quyền...

– Các cơ quan Nhà nước chỉ được hoạt động trong phạm vi thẩm quyền do pháp luật qui định, không được tiến hành các hoạt động vượt quá hay thu hẹp giới hạn thẩm quyền của mình.

– Khi thực hiện hoạt động quản lý nhà nước, cơ quan Nhà nước thường ban hành các văn bản quản lý Nhà nước mang tính quyền lực Nhà nước để quyết định những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của cơ quan đó.

+ Các văn bản này phải có nội dung hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.
+ Chỉ hết hiệu lực khi bị thay thế, hủy bỏ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. – Các hoạt động được thực hiện nhằm bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật Nhà nước phải dựa trên các nguyên tắc sau:

+ Nguyên tắc pháp luật hóa Các hoạt động được thực hiện bởi cơ quan chuyên hay không chuyên trách nhằm duy trì và bảo vệ trật tự pháp luật, như hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm sát...

+ Là cơ sở để chủ thể thực hiện quyền chủ động khi tham gia đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật Nhà nước.

+ Là cơ sở buộc các đối tượng có hành vi xâm phạm pháp chế mà kỷ luật nhà nước không được cản trở hay trốn tránh trách nhiệm khi bị áp dụng các biện pháp trách nhiệm mà Nhà nước đã qui định.

– Nguyên tắc thường xuyên

+ Hoạt động quản lý luôn diễn ra liên tục, làm phát sinh các quan hệ pháp luật cụ thể và có thể xâm hại đến quyền và lợi ích của đối tượng quản lý do những hành vi trái pháp luật và vô kỷ luật của chủ thể quản lý.

+ Nếu không thường xuyên sẽ là nguyên nhân dẫn đến sự phá vỡ trật tự quản lý.

– Nguyên tắc công khai mà hiệu quả, có như vậy mới thu hút được đông đảo các chủ thể tham gia, bảo vệ và kiểm soát việc thi hành pháp luật. Nếu không sẽ làm giảm hiệu quả của việc đảm bảo pháp luật được tôn trọng và kỷ luật được tăng cường.

– Nguyên tắc quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước.

+ Đảm bảo nguyên tắc này mới tạo điều kiện cho các cơ quan Nhà nước kiểm soát lẫn nhau trong quá trình thực hiện hoạt động chấp hành – điều hành.

+ Có nghĩa quan trọng trong quá trình tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, trong việc duy trì trật tự pháp luật Nhà nước xây dựng và bảo vệ.

b. Các hình thức kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước

Các hình thức xử lý kỷ luật theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 được áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật tương ứng.

Khiển trách

Căn cứ theo quy định tại Điều 24 [Nghị định 19/2020/NĐ-CP](#), hình thức khiển trách được áp dụng cho các đối tượng khi có hành vi vi phạm cụ thể sau:

Chủ thể vi phạm	Hành vi vi phạm
Cán bộ, công chức	<ul style="list-style-type: none">– Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng theo quy định pháp luật;– Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức bị xử phạt; việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện;– Tiết lộ thông tin, tài liệu về kết luận kiểm tra khi chưa có kết luận chính thức;– Thực hiện không đầy đủ, chính xác kết luận kiểm tra;
Viên chức	<ul style="list-style-type: none">– Tiết lộ thông tin, tài liệu về kết luận kiểm tra khi chưa có kết luận chính thức;– Thực hiện không đầy đủ, chính xác kết luận kiểm tra;– Không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính.

Cảnh cáo

Căn cứ theo quy định tại Điều 25 Nghị định 19/2020/NĐ-CP, hình thức cảnh cáo được áp dụng cho các đối tượng khi có hành vi vi phạm cụ thể sau:

Chủ thể vi phạm	Hành vi vi phạm
Cán bộ	<ul style="list-style-type: none">– Không xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm theo quy định pháp luật;– Áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính;– Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính;– Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính;– Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm tra, lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ kiểm tra;– Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực liên quan đến nội dung kiểm tra;– Thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra.
Công	<ul style="list-style-type: none">– Không xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc

<p>chức</p>	<p>phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm theo quy định pháp luật;</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính; – Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính; – Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm tra, lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ kiểm tra; – Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực liên quan đến nội dung kiểm tra; – Không thực hiện kết luận kiểm tra.
<p>Viên chức</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính; – Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm tra, lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ kiểm tra; – Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực liên quan đến nội dung kiểm tra; – Không thực hiện kết luận kiểm tra; – Sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Hạ bậc lương

Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Nghị định 19/2020/NĐ-CP, hình thức kỷ luật hạ bậc lương áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Giáng chức

Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị định 19/2020/NĐ-CP, hình thức kỷ luật giáng chức áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi không thực hiện kết luận kiểm tra.

Cách chức

Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị định 19/2020/NĐ-CP, hình thức cách chức được áp dụng với các đối tượng có hành vi vi phạm tương ứng như sau:

<p>Chủ thể vi phạm</p>	<p>Hành vi vi phạm</p>
-------------------------------	-------------------------------

Cán bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính; – Sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp
---------------	---

	<p>do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính; – Chống đối, cản trở người làm nhiệm vụ kiểm tra, đe dọa, trù dập người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan kiểm tra, đoàn kiểm tra, gây khó khăn cho hoạt động kiểm tra; – Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính; về thẩm quyền, thủ tục, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính; – Không thực hiện kết luận kiểm tra; – Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử lý vi phạm hành chính.
Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	<p>Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính.</p>
Viên chức quản lý	<ul style="list-style-type: none"> – Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính; về thẩm quyền, thủ tục, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính; – Không thực hiện kết luận kiểm tra.

Buộc thôi việc

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với công chức, viên chức có một trong các hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 29 Nghị định 19/2020/NĐ-CP, bao gồm:

- Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính;
- Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
- Chống đối, cản trở người làm nhiệm vụ kiểm tra, đe dọa, trù dập người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan kiểm tra, đoàn kiểm tra, gây khó khăn cho

hoạt động kiểm tra;

– Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử lý vi phạm hành chính.

BÀI TẬP :

1. Ông M. có hành vi xây nhà trái phép từ năm 2012. Đến năm 2014, UBND Quận H. mới lập biên bản xử lý vụ việc, sau đó ban hành Quyết định buộc tháo dỡ phần căn nhà xây dựng trái phép của ông M. Hỏi Quyết định của UBND quận H. có hợp pháp không? Tại sao?

2. Do ông G. công an viên xã T. có hành vi vi phạm pháp luật, Chủ tịch UBND xã T. đã ra quyết định chuyển ông sang làm thanh tra viên nhân dân, sau đó ra quyết định sa thải ông. Đánh giá về tính hợp pháp của các Quyết định của Chủ tịch UBND xã T.

3. Sau khi nhận được Quyết định thu hồi đất của UBND huyện X., ông K. đã làm đơn kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh T. Hỏi hành vi của ông đúng hay sai, tại sao? Nêu cách giải quyết trong trường hợp này.

4. UBND xã N ra thông báo xử phạt vi phạm hành chính đối với công dân A 200.000 đ, hỏi thông báo đó có là quyết định hành chính hay không?

5. Nguyễn Văn A là giảng viên Trường đại học X. bị Hiệu trưởng trường ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc. Không đồng ý với quyết định của Hiệu trưởng, A là đơn gửi tới TAND Quận X (trường đại học nằm trên địa phận Quận X), nhưng tòa án Quận X từ chối nhận đơn khiếu kiện). Hỏi việc từ chối nhận đơn khiếu kiện của A đúng hay sai?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 02/NQ-HNTƯ ngày 24/12/1996 của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá VIII về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.

2. Kết luận của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 2 khoá VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ đến năm 2005 và đến năm 2010.

3. Luật khoa học và công nghệ.

4. Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

5. Nghị định số 127/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Nghị định số 106/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp.

7. Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ khoa học và công nghệ.

8. Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/1/2004 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ khoa học và công nghệ.